

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3222 /BTP-VP

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2015

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tại
Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII

Kính gửi:

ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH CÀ MAU	
VĂN PHÒNG	
ĐẾN	Số: 66
	Ngày: 14/9/15

- Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Kạn, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Định, Bình Thuận, Cà Mau, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Điện Biên, Hải Dương, Kiên Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Nguyên, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái;
- Ban Dân nguyện, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ.

Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 208/BDN ngày 26/6/2015 của Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công văn số 5578/VPCP-V.III ngày 17/7/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII, với tổng số 63 kiến nghị (62 kiến nghị do Ban Dân nguyện chuyển, 01 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển). Sau khi nghiên cứu, Bộ Tư pháp xin trả lời các kiến nghị của cử tri theo nhóm vấn đề như sau:

I. Kiến nghị về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bắc Kạn, Bình Định, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Phú Thọ, Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Trị, Đồng Nai, Bắc Ninh, Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Lào Cai:

a) **Cử tri các tỉnh Bắc Kạn, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Phúc:** Đề nghị nghiên cứu quy định hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, vì hiện nay, số vụ án hình sự do người chưa thành niên phạm tội gây ra ngày càng tăng cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng.

b) **Cử tri các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Tiền Giang, Phú Thọ, Quảng Nam, Đồng Nai, Bắc Ninh:** không đồng tình với việc sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng quy định việc người phạm tội tham nhũng có thể nộp tiền để thay án phạt tù. Vì như vậy, sẽ không đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, tính răn

đe chưa cao và chưa đúng với quy định của Hiến pháp năm 2013 là phải xử đúng người, đúng tội,... Đề nghị xem xét, sửa đổi Bộ luật hình sự cho phù hợp, giữ nguyên mức án cao nhất là tử hình để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này, góp phần thực hiện có hiệu quả việc ngăn chặn, triệt tiêu tội phạm tham nhũng ở nước ta

c) Cử tri các tỉnh Tiền Giang, Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long phản ánh: Điều 138 Bộ luật hình sự, quy định đối với tội trộm cắp tài sản. Theo quy định hiện hành, giá trị tài sản trộm cắp từ 2 triệu đồng trở lên thì mới bị xử lý hình sự là không phù hợp, tạo kẽ hở cho các đối tượng vi phạm. Do vậy, đề nghị Quốc hội xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội để mang tính răn đe nghiêm khắc hơn, nhằm đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Đề nghị quy định mức giá trị tài sản trộm cắp là 500.000 đồng trở lên như quy định trước đây.

d) Cử tri tỉnh Tiền Giang: Kiến nghị xem xét, sớm sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng bổ sung quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không cần phải xác định tỉ lệ thương tật thông qua giám định từ 11% trở lên. Bởi lẽ đây là hành vi cố ý phạm tội nguy hiểm cho xã hội, gây xâm hại đến tín mạng và sức khỏe của nhân dân cần phải được xử lý nghiêm để hạn chế việc phạm tội.

đ) Cử tri tỉnh Quảng Bình phản ánh: Hiện nay tội phạm ngày càng diễn ra nghiêm trọng và nguy hiểm, trong khi Bộ luật hình sự hiện hành một số chế tài còn nhẹ, một số hình phạt chỉ mang tính răn đe, giáo dục. Đề nghị khi sửa đổi luật cần quy định một số hình phạt cao hơn, để còn mang tính phòng ngừa, đồng thời không nên quy định việc đưa hối lộ là hành vi phạm tội hình sự để những người vì lý do nào đó mà buộc phải hối lộ dám đứng ra đấu tranh; qua đó, làm tốt công tác phòng chống tội phạm tham nhũng.

e) Cử tri tỉnh Quảng Trị phản ánh: Hiện nay, tại các vùng nông thôn, một số kẻ chuyên đi bắt trộm chó (có trang bị các công cụ như ót cay, dao, dùi...) đồng thời có hành vi ngang ngược, hết sức nguy hiểm. Trong lúc đó, luật quy định hành vi trộm cắp chỉ xử phạt hành chính. Đề nghị sửa đổi luật nhằm hạn chế tình trạng trên, trả lại sự yên bình cho vùng quê.

g) Cử tri thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị xem xét sửa đổi Bộ luật hình sự đối với tội hiếp dâm cần có mức án cao nhất là tử hình, vì hiện nay, tình hình xâm hại tình dục ở trẻ em, trẻ chưa đủ tuổi vị thành niên ngày càng nhiều, có tính chất phức tạp, dẫn đến nhiều hệ lụy xã hội.

h) Cử tri tỉnh Bình Định: Đề nghị xem xét, cân nhắc kỹ các phương án bỏ

hình phạt tử hình đối với 07 tội danh: cướp tài sản; phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; chống mệnh lệnh; đầu hàng địch; phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược; chống loài người; tội phạm chiến tranh, quy định tại các Điều 167, 316, 407, 413, 436, 437, 438 Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) để vừa bảo đảm công tác phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia có hiệu quả, vừa thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta.

i) Cử tri tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng thu hẹp biên độ khung hình phạt để tránh tiêu cực trong hoạt động xét xử; tăng mức tiền từ 2 triệu đồng lên 4 triệu đồng trong việc xử lý hình sự đảm bảo so với sự phát triển kinh tế hiện nay.

k) Cử tri tỉnh Lào Cai: Kiến nghị nghiên cứu sớm sửa đổi Bộ luật hình sự, để giải quyết những tồn tại, tránh bỏ lọt tội phạm; lợi dụng kẽ hở của pháp luật để cơ quan pháp luật không xử lý được, cụ thể như:

- Tội đánh bạc, quy định khung hình phạt quá nhẹ không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung; việc chứng minh số tiền, tài sản có trong người đối tượng đánh bạc hoặc tiền, tài sản thu được ở một nơi khác của các đối tượng đánh bạc rất khó chứng minh sẽ được dùng vào mục đích đánh bạc. Vì các đối tượng thường khai nhận số tiền có trong người hoặc tiền, tài sản thu được ở nơi khác không phải sẽ dùng vào mục đích đánh bạc nên không thể xử lý được. Trên thực tế, khi bắt giữ các đối tượng đánh bạc lực lượng cảnh sát điều tra phòng chống tội phạm rất khó chứng minh được số tiền, hiện vật thu được không phải ở trên chiếu bạc (thu trong người đối tượng, tiền hoặc tài sản thu được của các đối tượng trên xe ô tô của đối tượng dùng đi đến địa điểm đánh bạc...) các đối tượng sẽ dùng để đánh bạc. Vì các đối tượng đều khai nhận số tiền có trong người không phải sẽ dùng vào mục đích đánh bạc nên không thể xử lý được.

- Các tội trong nhóm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại khoản 1 các Điều 104, 105, 106, 108, 109 của Bộ luật hình sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự thì các đối tượng phạm vào khoản 1 các điều luật trên sẽ chỉ bị khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại. Cử tri phản ánh, thực tế rất nhiều vụ án do các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thuộc khoản 1, Điều 104 Bộ luật hình sự, nhưng sau khi gây án chúng đe dọa, mua chuộc người bị hại hoặc dùng thủ đoạn ép buộc người bị hại không đề nghị giải quyết hoặc rút đơn, nhất là các đối tượng gây án hoạt động mang tính chất băng nhóm xã hội đen... Như vậy, rất khó cho quá trình điều tra thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Mặt khác trong tội cố ý gây thương tích thì bắt buộc phải có kết luận giám định tỷ lệ thương tật của nạn nhân. Trường hợp người bị hại từ chối giám định thì vụ án không thể xử lý theo quy định của pháp luật.

m) Cử tri tỉnh Phú Thọ: Hiện nay, trên phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về nguyên nhân của những vụ án oan, sai có việc bức cung, nhục hình đối với các phạm nhân. Đây là hành động vi phạm nghiêm trọng quyền con người gây bức xúc trong xã hội. Đề nghị cần có những quy định, chế tài xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật nhằm khắc phục tình trạng trên.

l) Cử tri tỉnh Kiên Giang cho rằng: Tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra nhiều, bình quân hàng năm chiếm khoảng 45% tổng số vụ phạm pháp hình sự, nhưng trong thực tiễn, nhiều vụ trộm cắp tài sản, đối tượng chưa di chuyển, xê dịch tài sản và không xác định được định lượng tài sản nên không xử lý được hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, đề nghị xem xét sửa đổi quy định tội trộm cắp tài sản: Khi tội phạm đột nhập trộm cắp tài sản nhưng chưa di chuyển, xê dịch tài sản (trị giá trên 2 triệu đồng) là đủ yếu tố xử lý hình sự.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Những vấn đề cử tri nêu là những vướng mắc, bất cập đã được Bộ Tư pháp nghiên cứu trong quá trình tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự. Thực hiện Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành soạn thảo dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi). Trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức và người dân thông qua việc gửi lấy ý kiến trực tiếp bằng văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII đã cho ý kiến đối với dự thảo Bộ luật; đồng thời, trên cơ sở tham mưu của Bộ Tư pháp, Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 972/NQ-UBTVQH13 ngày 13/7/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi). Hiện tại, dự thảo Bộ luật đang trong quá trình lấy ý kiến nhân dân (thời hạn lấy ý kiến đến hết ngày 15/9/2015). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân đối với dự thảo Bộ luật quan trọng này, Bộ Tư pháp sẽ tiếp thu, chỉnh lý báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội cho ý kiến và xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 10 tới đây.

Bộ Tư pháp nhận thấy, các kiến nghị nêu trên của cử tri liên quan đến việc sửa đổi Bộ luật hình sự là những vấn đề được nhiều Bộ, ngành và địa phương quan tâm, trong đó có thể khái quát thành các vấn đề như: chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội; việc thu hẹp khoảng cách của khung hình phạt; cụ thể hóa về các tình tiết mang tính định tính trong cấu thành tội phạm và trong tình tiết định khung tăng nặng; chính sách hình sự đối với một số

tội phạm cụ thể như tội phạm về tham nhũng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, xâm phạm tính mạng sức khỏe, xâm phạm sở hữu, tội phạm kinh tế... Đối với hồ sơ dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), đề nghị cử tri tham khảo thêm trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp. Đối với từng vấn đề cụ thể mà cử tri quan tâm, Bộ Tư pháp trả lời cụ thể như sau:

a) Đối với kiến nghị của cử tri các tỉnh Bắc Kạn, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Phúc: Đề nghị nghiên cứu quy định hạ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Mặc dù qua các phương tiện thông tin đại chúng, tình hình tội phạm do người chưa thành niên phạm tội có chiều hướng gia tăng, một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng do người chưa thành niên thực hiện đã xảy ra trong thời gian vừa qua, gây bức xúc trong nhân dân. Tuy nhiên, theo báo cáo của các cơ quan chức năng, hiện tượng này chưa mang tính phổ biến. Mặt khác, việc thay đổi độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay tăng nặng hình phạt đối với người chưa thành niên là một vấn đề lớn, có thể làm thay đổi chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước về người chưa thành niên. Hơn nữa, giải pháp tăng nặng hình phạt chỉ là giải pháp để thỏa mãn sự bức xúc về tâm lý, việc tăng nặng hình phạt chưa chắc đã làm giảm tình trạng tội phạm của người chưa thành niên (ví dụ như việc tăng nặng hình phạt đối với tội phạm về ma túy, tội phạm ma túy không những không giảm mà còn ngày càng nghiêm trọng), mà cần có giải pháp tổng thể. Điều này cũng phù hợp với xu thế chung của nhiều nước trên thế giới và công ước về quyền trẻ em.

Chính vì vậy, trong quá trình xây dựng dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), nhiều ý kiến đồng thuận với chủ trương tăng cường các biện pháp giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm vị thành niên nói riêng, theo đó giữ nguyên độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và giữ nguyên các mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội như Bộ luật hình sự hiện hành.

Mặt khác, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã quy định trách nhiệm pháp lý đối với người chưa thành niên phạm tội, cụ thể: đối tượng từ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi nếu thực hiện hành vi cấu thành tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi cấu thành tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc tội nghiêm trọng do cố ý thì đã có những biện pháp khác để xử lý như áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

b) Đối với kiến nghị của cử tri các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Tiền Giang, Phú Thọ, Quảng Nam, Đồng Nai, Bắc Ninh: Cử tri không đồng tình với việc sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng quy định việc người phạm tội tham

những có thể nộp tiền để thay án phạt tù. Đề nghị xem xét, sửa đổi Bộ luật hình sự cho phù hợp, giữ nguyên mức án cao nhất là tử hình để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Một trong những quan điểm chỉ đạo của việc sửa đổi toàn diện Bộ luật hình sự lần này là quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng trong công tác phòng, chống tội phạm, do đó, đối với tội phạm về chức vụ, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã thể chế hóa quan điểm của Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020, đặc biệt là chủ trương: "Xử lý nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác". Vì vậy, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã không quy định áp dụng hình phạt tiền đối với tội phạm chức vụ mà chủ yếu quy định hình phạt tù đối với tội phạm này, đặc biệt đối với tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ vẫn giữ nguyên mức hình phạt cao nhất được quy định trong Bộ luật hình sự 1999 là hình phạt tử hình. Dự thảo Bộ luật cũng không quy định về việc áp dụng hình phạt tiền để thay thế hình phạt tù.

c) Cử tri các tỉnh Tiền Giang, Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long: Theo quy định hiện hành, giá trị tài sản trộm cắp từ 2 triệu đồng trở lên thì mới bị xử lý hình sự là không phù hợp. Đề nghị quy định mức giá trị tài sản trộm cắp là 500.0000 đồng trở lên như quy định trước đây.

Bộ Tư pháp chia sẻ với những bức xúc trong dư luận xã hội nói chung và kiến nghị của cử tri một số địa phương về tội phạm trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự hiện hành đã quy định trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự nếu thuộc các trường hợp: gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử phạt hành chính hay đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt chưa được xóa án mà còn vi phạm. Như vậy, Bộ luật hình sự đã có quy định để xử lý hình sự đối với tội trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng. Đối với từng trường hợp cụ thể, cơ quan tố tụng có thể vận dụng cho phù hợp với thực tiễn địa phương.

d) Cử tri tỉnh Tiền Giang: Đề nghị bổ sung quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà không cần phải xác định tỉ lệ thương tật thông qua giám định từ 11% trở lên.

Điều 104 Bộ luật hình sự hiện hành quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Theo quy định của Điều luật này thì người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội

đang này. Trường hợp gây thương tích dưới 11% (có thể chỉ từ 1, 2 hoặc 3% hoặc 7%...) nhưng thuộc một trong các trường hợp sau thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Điều luật này:

- a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;
- b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;
- c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;
- d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;
- đ) Đối với ông, bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình
- e) Có tổ chức;
- g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;
- h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê;
- i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;
- k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Như vậy, theo quy định này của Bộ luật hình sự hiện hành thì trường hợp dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như có tổ chức, thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê... như liệt kê ở trên thì mặc dù tỉ lệ thương tích giám định được dưới 11% cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Điều này.

Điều 133 dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) về cơ bản vẫn giữ quy định cấu thành định tội của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như Bộ luật hình sự hiện hành. Tuy nhiên, để đảm bảo bao quát các trường hợp phạm tội xảy ra trên thực tế, dự thảo Bộ luật hình sự đã bổ sung thêm trường hợp **người phạm tội dùng axit sunfuric hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác** thì mặc dù tỷ lệ thương tích dưới 11% (có thể chỉ là 1, 2, 3 hoặc 5, 7%) thì người phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

đ) **Cử tri tỉnh Quảng Bình** phản ánh: chế tài quy định trong Bộ luật hình sự còn nhẹ, một số hình phạt chỉ mang tính răn đe, giáo dục. Đề nghị khi sửa đổi Luật cần quy định một số hình phạt cao hơn, để còn mang tính phòng ngừa, đồng thời không nên quy định việc đưa hối lộ là hành vi phạm tội hình sự để những người vì lý do nào đó mà buộc phải hối lộ dám đứng ra đấu tranh; qua đó, làm tốt công tác phòng chống tội phạm tham nhũng.

Việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự đã quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, đặc biệt là chủ trương: "*Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm: "đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội"*. Do vậy, việc quy định khung hình phạt đối với các tội phạm trong dự thảo Bộ luật hình sự cũng quán triệt theo tinh thần này. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với thực tiễn diễn biến của tình hình tội phạm, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã quy định chế tài phù hợp hơn đối với từng tội phạm, cụ thể:

Liên quan đến tội đưa hối lộ, Điều 377 dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) quy định như sau: người nào trực tiếp hoặc qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn bất cứ lợi ích vật chất (có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên) hoặc phi vật chất nào thì bị xử lý hình sự về tội phạm này. Tuy nhiên, khoản 7 Điều 377 dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) cũng quy định trường hợp người bị ép buộc đưa hối lộ chủ động khai báo trước khi bị phát giác được coi là không có tội và được trả loại toàn bộ của đã dùng để hối lộ. Trường hợp người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

Như vậy, quy định này về tội đưa hối lộ của dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) sẽ có tác dụng khuyến khích người đưa hối lộ hoặc người bị ép buộc đưa hối lộ tự giác khai báo, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

e) Cử tri tỉnh Quảng Trị: Hiện nay, tại các vùng nông thôn, một số kẻ chuyên đi bắt trộm chó (có trang bị các công cụ như ớt cay, dao, dùi...) đồng thời có hành vi ngang ngược, hết sức nguy hiểm. Trong lúc đó, Luật quy định hành vi trộm cắp chỉ xử phạt hành chính. Đề nghị sửa đổi luật nhằm hạn chế tình trạng trên, trả lại sự yên bình cho vùng quê.

Điều 138 Bộ luật hình sự hiện hành quy định về tội trộm cắp tài sản, theo đó, người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên sẽ bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, Điều 138 Bộ luật hình sự hiện hành cũng quy định trường hợp tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong 3 trường hợp sau thì vẫn bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự, đó là (i) gây hậu quả nghiêm trọng; (ii) đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt và (iii) đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Như vậy, đối với trường hợp trộm chó, nếu giá trị con

chó dưới 2 triệu đồng và người phạm tội thuộc một trong 3 trường hợp nêu trên thì người đó vẫn bị xử lý hình sự về tội phạm này.

Hiện nay, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung tội danh này theo hướng bổ sung thêm trường hợp tài sản bị trộm cắp có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ hoặc có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại và gia đình họ thì người phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản. Như vậy, với trường hợp trộm chó thì hoàn toàn có thể xử lý hình sự theo quy định của Điều 133 dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) nếu con chó đó có giá trị về mặt tinh thần đối với người bị hại hoặc gia đình họ.

g) Cử tri các thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị xem xét sửa đổi Bộ luật hình sự đối với tội hiếp dâm cần có mức án cao nhất là tử hình, vì hiện nay, tình hình xâm hại tình dục ở trẻ em, trẻ chưa đủ tuổi vị thành niên ngày càng nhiều, có tính chất phức tạp, dẫn đến nhiều hệ lụy xã hội.

Qua rà soát và so sánh với pháp luật hình sự của một số nước cho thấy, quy định về hình phạt áp dụng đối với các tội phạm hiếp dâm trong Bộ luật hình sự hiện hành là rất nghiêm khắc, mức phạt cao nhất có thể áp dụng là tử hình (khoản 4 Điều 112); mức phạt áp dụng cho trường hợp phạm tội thông thường đến 7 năm tù (khoản 1 Điều 111). Do đó, để giảm tình trạng phạm tội hiếp dâm không nên theo hướng tiếp tục tăng hình phạt mà nên theo hướng tăng cường xử lý nghiêm hành vi phạm tội, đồng thời, cần có những giải pháp đồng bộ trong việc giáo dục pháp luật, sự giám sát của gia đình để giúp nạn nhân tránh nguy cơ bị xâm hại.

h) Cử tri tỉnh Bình Định: Đề nghị xem xét, cân nhắc kỹ các phương án bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh: cướp tài sản; phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; chống mệnh lệnh; đầu hàng địch; phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược; chống loài người; tội phạm chiến tranh, quy định tại các Điều 167, 316, 407, 413, 436, 437, 438 Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi).

Hình phạt tử hình là chế tài nghiêm khắc nhất trong hệ thống các chế tài hình sự, đây là hình phạt tước đi quyền sống - quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người. Do đó, việc áp dụng hình phạt này chỉ trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, cùng với sự phát triển của nhân loại, xu hướng chung của thế giới là thu hẹp dần hình phạt tử hình, tiến tới xóa bỏ hình phạt này và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, tại lần sửa đổi toàn diện này dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã đề xuất bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh nêu trên. Việc đề xuất bỏ hình phạt đối với các tội này chính là nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người nói chung, quyền sống nói riêng theo

Hiến pháp 2013 và yêu cầu tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về giảm hình phạt tử hình. Ngoài ra, việc bãi bỏ hình phạt tử hình cũng nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và là sự kế thừa thực tiễn lập pháp, thực tiễn áp dụng hình phạt tử hình trong thời gian qua.

Việc đề xuất bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh trong dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) là kết quả của quá trình nghiên cứu, đánh giá về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng, xuất phát từ tính chất nguy hiểm của hành vi và thực tiễn xử lý tội phạm. Đề xuất bỏ hình phạt tử hình đối với 07 tội danh này cũng đã được báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

i) Cử tri tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng thu hẹp biên độ khung hình phạt để tránh tiêu cực trong hoạt động xét xử; tăng mức tiền từ 2 triệu đồng lên 4 triệu đồng trong việc xử lý hình sự đảm bảo so với sự phát triển kinh tế hiện nay.

Hiện nay, dự thảo Bộ luật hình sự cũng được nghiên cứu sửa đổi theo hướng thu hẹp biên độ khung hình phạt đối với các tội phạm.

Về đề nghị tăng mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự từ 2 triệu đồng lên 4 triệu đồng, mặc dù trên thực tế những năm gần đây, kinh tế Việt Nam có những bước phát triển đáng kể, tuy nhiên, ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số thì đời sống người dân vẫn còn nhiều khó khăn. Với nhiều gia đình thì 2 triệu đồng đã là giá trị tài sản lớn đối với họ. Do vậy, sau khi nghiên cứu, khảo sát, dự thảo Bộ luật hình sự vẫn giữ nguyên mức định lượng là 2 triệu đồng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm. Đây cũng là ý kiến của nhiều đại biểu Quốc hội trong quá trình thảo luận về vấn đề định lượng giá trị tài sản tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII vừa qua.

k) Cử tri các tỉnh Lào Cai: Kiến nghị nghiên cứu sớm sửa đổi Bộ luật hình sự, để giải quyết những tồn tại, tránh bỏ lọt tội phạm; lợi dụng kẽ hở của pháp luật để cơ quan pháp luật không xử lý được, cụ thể như:

- Tội đánh bạc, quy định khung hình phạt quá nhẹ không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung...

Theo quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 thì mức hình phạt cao nhất đối với tội đánh bạc là đến 07 năm tù nếu thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; dùng tiền, tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên hoặc tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền với tính chất là hình phạt bổ sung từ ba triệu đồng đến dưới ba mươi triệu đồng. Bộ Tư pháp thấy rằng, mức hình phạt đối với tội đánh bạc theo quy định hiện hành là

tương đối nghiêm khắc, vì vậy, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) vẫn giữ nguyên mức hình phạt này.

- Các tội trong nhóm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại khoản 1 các Điều 104, 105, 106, 108, 109 của Bộ luật hình sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự thì các đối tượng phạm vào khoản 1 các điều luật trên sẽ chỉ bị khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại; thực tế nhiều vụ án sau khi gây án người phạm tội đe dọa, mua chuộc người bị hại hoặc dùng thủ đoạn ép buộc người bị hại không đề nghị giải quyết hoặc rút đơn, nhất là các đối tượng gây án hoạt động mang tính chất băng nhóm xã hội đen... rất khó cho quá trình điều tra thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội...

Theo quy định của Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự thì tội cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 104 là trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Thực tiễn cho thấy, có nhiều trường hợp cố ý gây thương tích cho người khác nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tính chất nguy hiểm không cao, người thực hiện hành vi phạm tội ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại và được sự chấp thuận của người bị hại thì cũng không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Quy định này nhằm bảo đảm sự linh hoạt trong xử lý vi phạm, khuyến khích các bên tự hoà giải, thương lượng. Trường hợp có căn cứ để xác định người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Theo quy định của Bộ luật hình sự, đặc trưng của tội cố ý gây thương tích là hành vi cố ý gây tổn thương, tổn hại về sức khỏe của nạn nhân, do đó, việc xác định tỉ lệ thương tật là yêu cầu bắt buộc để xác định tội phạm và khung hình phạt, bảo đảm việc xử lý được chính xác, công bằng, phù hợp với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Trường hợp người bị hại từ chối giám định tỉ lệ thương tật, giải pháp trước mắt là cơ quan tiến hành tố tụng cần khuyến khích, động viên họ tố giác tội phạm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân, tránh việc có thể trở thành nạn nhân tiếp theo của các hành vi phạm tội tương tự. Về lâu dài, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để người dân hiểu rõ trách nhiệm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cũng như của cá nhân, cộng đồng, cơ quan, tổ chức.

m) Cử tri tỉnh Phú Thọ: Đề nghị cần có những quy định, chế tài xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật nhằm khắc phục tình trạng bức cung, nhục hình.

Theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 thì chính sách xử lý hình sự đối với nhóm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp về cơ bản là tương đối nghiêm khắc. Mức hình phạt cao nhất đối với tội bức cung là 10 năm tù, đối với tội dùng

nhục hình là 12 năm tù. Tuy nhiên, để bảo đảm tính cân xứng giữa các tội phạm, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như bảo đảm sự công bằng trong xử lý tội phạm, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) nâng mức hình phạt cao nhất là tù chung thân đối với cả hai tội này nếu thuộc một số trường hợp cụ thể như làm nạn nhân chết hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, tương đương với mức cao nhất của Tội cố ý gây thương tích. Đồng thời sửa đổi cấu thành tội bức cung, tội dùng nhục hình theo hướng đề cao trách nhiệm của các cơ quan tố tụng và bảo vệ tốt hơn quyền được bảo vệ an toàn về tính mạng, nhân phẩm, danh dự của con người nói chung và người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù nói riêng.

1) Cử tri tỉnh Kiên Giang: Đề nghị xem xét sửa đổi quy định tội trộm cắp tài sản: Khi tội phạm đột nhập trộm cắp tài sản nhưng chưa di chuyển, xê dịch tài sản (trị giá trên 2 triệu đồng) là đủ yếu tố xử lý hình sự.

Theo quy định của Bộ luật hình sự, trường hợp trộm cắp tài sản nhưng đối tượng chưa di chuyển, xê dịch tài sản thì bị phát hiện thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt của tội trộm cắp tài sản và trường hợp này người phạm tội vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản chưa đạt. Hình phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 18 Bộ luật hình sự.

2. Kiến nghị của cử tri các tỉnh An Giang, Bắc Kạn, Quảng Nam:

a) Cử tri tỉnh An Giang: Đề nghị tăng mức hình phạt, có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường, vì hệ lụy của những hành vi vi phạm này rất lớn, làm thiệt hại đến tài sản và sức khỏe người dân.

b) Cử tri các tỉnh An Giang, Bắc Kạn, Quảng Nam: Đề nghị tăng mức hình phạt, có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi kinh doanh hàng gian, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng và các loại thực phẩm không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vì hệ lụy của những hành vi vi phạm này rất lớn, làm thiệt hại đến tài sản và sức khỏe người dân. Bổ sung tội phạm "nhập khẩu các mặt hàng không rõ xuất xứ hàng hóa" vào trong Bộ luật hình sự (sửa đổi).

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, vấn đề ô nhiễm môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm được dư luận xã hội hết sức quan tâm vì có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe của cộng đồng. Bộ luật hình sự hiện hành đã quy định chế tài xử lý đối với nhóm các tội phạm về môi trường (Chương XVII), các tội về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Điều 156, 157, 158) và tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (Điều 244).

Tuy nhiên, các quy định trên còn thiếu tính cụ thể, khó áp dụng trong thực tiễn, do đó, dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã sửa đổi quy định về 2 loại tội danh này: (1) Đối với nhóm tội phạm về môi trường được sửa đổi theo hướng (i) quy định các tội phạm gây ô nhiễm môi trường là tội có cấu thành hình thức để xử lý các hành vi phạm tội này mà không chờ đến dấu hiệu hậu quả như quy định của Bộ luật hình sự hiện hành; (ii) tăng mức phạt cao hơn so với Bộ luật hình sự hiện hành; (iii) bổ sung quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân là các tổ chức kinh tế để xử lý nghiêm các pháp nhân gây ô nhiễm môi trường; (2) Đối với tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm được sửa đổi theo hướng sửa thành tội sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn (Điều 315 dự thảo Bộ luật), trong đó quy định cụ thể hơn các hành vi phạm, dấu hiệu hậu quả, tăng nặng hình phạt.

3. Cử tri tỉnh Kiên Giang: Cử tri cho rằng, tại điểm c, khoản 2, Điều 245 Bộ luật hình sự về tội gây rối trật tự công cộng, quy định gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng, quy định như vậy rất khó áp dụng, xử lý tội phạm. Do đó, đề nghị cần quy định cụ thể về hành vi gây rối làm mất an ninh trật tự, thì bị xử lý hình sự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Gây rối trật tự công cộng là hành vi gây náo động, hòng gây mất trật tự ở những nơi công cộng như ngoài đường phố, khu dân cư, công viên... Hành vi này gây nên sự xáo trộn, hoảng sợ cho những người xung quanh. Người phạm tội gây rối bằng rất nhiều các hình thức khác nhau như: tập trung đông người nơi công cộng gây náo động; hò hét đuổi đánh nhau gây hỗn loạn nơi công cộng; đập phá các tài sản nơi công cộng hay đập phá các quán xá, quán ăn, rạp chiếu phim... đông người. Trong rất nhiều trường hợp, hành vi gây rối trật tự công cộng làm cản trở giao thông cũng như các hoạt động công cộng khác. Vì vậy, Bộ luật hình sự quy định gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng khác là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để hướng dẫn áp dụng quy định này, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đã ban hành Nghị quyết số 03/2003/NQ-HĐTP, trong đó quy định cụ thể tình tiết "gây cản trở giao thông nghiêm trọng" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự là gây cản trở giao thông từ 2 giờ trở lên hoặc gây cản trở giao thông ở những tuyến giao thông quan trọng, làm ách tắc giao thông trên diện rộng (không phân biệt thời gian bao lâu); "gây đình trệ hoạt động công cộng" là trường hợp do hành vi gây rối mà hoạt động công cộng bị đình trệ như: phải tạm dừng buổi chiếu phim; phải tạm dừng trận thi đấu bóng đá, bóng chuyền hoặc các môn thể thao khác; phải tạm dừng cuộc họp Hội đồng nhân dân... không phân biệt thời gian bị đình trệ dài hay ngắn.

Như vậy, việc quy định tình tiết “gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng” là phù hợp, có thể áp dụng được trên thực tiễn để xử lý tội phạm.

4. Cử tri tỉnh Bắc Kạn: Đề nghị sớm có hướng dẫn liên ngành về thi hành một số điều trong Chương XVII của Bộ luật hình sự, cụ thể như hướng dẫn làm rõ một số khái niệm về định tính, định lượng như “ô nhiễm nghiêm trọng”, “số lượng lớn”, “gây hậu quả nghiêm trọng”, “đặc biệt nghiêm trọng”...

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Do đó, việc hướng dẫn các tình tiết mang tính định tính, định lượng như ô nhiễm nghiêm trọng, số lượng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng... trong văn bản hướng dẫn liên ngành sẽ không phù hợp với quy định của Hiến pháp, vì đây là hệ thống văn bản dưới luật. Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ luật hình sự 1999 đang được sửa đổi toàn diện và các vấn đề này đang được Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan nghiên cứu cụ thể hóa trong dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi). Hiện tại, dự thảo Bộ luật đang được lấy ý kiến nhân dân; trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của nhân dân, Bộ Tư pháp sẽ tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Bộ luật để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ X tới đây.

5. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Kiên Giang, Tây Ninh:

a) Cử tri tỉnh Điện Biên: Đề nghị sớm sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” để phù hợp với tình hình thực tế, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy.

b) Cử tri tỉnh Sơn La: Theo tinh thần của Công văn số 234/TANDTC-HS, tỉnh Sơn La đã tăng số lượng vụ án (116 vụ) do Viện kiểm sát, Tòa án các cấp đề nghị cơ quan điều tra giám định lại để kết luận về hàm lượng tang vật ma túy, làm tăng khối lượng công việc, ảnh hưởng đến công tác điều tra, truy tố, xét xử. Đối với một số vụ án ma túy đang trong quá trình điều tra, mặc dù đã giám định tang vật, xác định có thành phần Heroin, nhưng do chưa giám định được hàm lượng ma túy, phải chờ xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của liên ngành cấp trên, gây ảnh hưởng đến thời hạn điều tra vụ án, thời hạn tạm giam bị can. Một số vụ án ma túy bắt quả tang đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy với số lượng ít (từ 0,1 gam đến dưới 5 gam) đã trưng cầu giám định và có kết

luận có thành phần là Heroin, nhưng do không đủ điều kiện để xác định hàm lượng ma túy, trong khi chưa có hướng dẫn để xác định hành vi này có phạm tội hay không, do đó cơ quan cảnh sát điều tra không đủ cơ sở để khởi tố vụ án hình sự và phải trả tự do cho đối tượng. Mặt khác, đối với một số vụ án trước đây, đã xét xử, thi hành án, trong vụ án có bị can bị truy nã, đến nay bắt được bị can và tiến hành phục hồi điều tra, nhưng vật chứng là ma túy trước đó chỉ trung cầu và kết luận giám định có thành phần, loại ma túy đã được tiêu hủy, không còn khả năng giám định xác định hàm lượng, vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra khó có thể tiếp tục giải quyết vụ án.

Do vậy, đề nghị Chính phủ xem xét một số nội dung sau:

- Đề nghị Chính phủ hướng dẫn cụ thể có phạm tội hay không với trường hợp ma túy thu được đủ trọng lượng để xác định là tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự, nhưng không đủ điều kiện để giám định và xác định hàm lượng ma túy theo hướng dẫn của liên ngành và Tòa án nhân dân tối cao. Nếu lượng ma túy thu được đủ để giám định, đề nghị có hướng dẫn cụ thể để xác định hàm lượng thì tính trọng lượng, hàm lượng để định khung, định lượng cho hình phạt.

- Hướng dẫn trong trường hợp nhựa thuốc phiện khi giám định hàm lượng chỉ có thể kết luận hàm lượng Morphin, như vậy có thể căn cứ hàm lượng Morphin để quy đổi ngược lại lượng thuốc phiện hay không?

c) Cử tri tỉnh Lào Cai: Đề nghị Bộ Công an phối hợp Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp sớm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc giám định hàm lượng chất ma túy theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007, Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999; Công văn số 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân tối cao để các vụ án về ma túy được đưa ra xét xử kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

d) Cử tri tỉnh Kiên Giang: Đối với Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999: Đề nghị điều chỉnh quy định tại Khoản 1.4, Mục 1. Phần I về một số khái niệm và một số tình tiết là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt. Chỉ giám định hàm lượng trong các trường hợp quy định tại Điểm a. b nêu trong Mục 1.1 hoặc trọng lượng ma túy là cơ sở định khung hình phạt. Bỏ quy định tại Điểm a, Khoản 6.2, Mục 6. Phần II về các tội phạm cụ thể. Chỉ cần quy định chung như Điều 197 của Bộ luật hình sự nhằm nâng cao tính răn đe, giáo dục và xử lý triệt để loại tội phạm này.

đ) Cử tri tỉnh Tây Ninh: Hiện nay, việc giải quyết các vụ án về tội phạm ma túy theo Chương XVIII của Bộ luật hình sự 1999 gặp nhiều khó khăn do các hướng dẫn tại Công văn số 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 602/C47(P6) ngày 15/4/2015 của Cục cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thuộc Tổng cục cảnh sát - Bộ Công an, cử tri đề nghị liên ngành tư pháp sớm có văn bản thống nhất quy định về nội dung trên.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Các kiến nghị nêu trên của cử tri tập trung vào những vướng mắc, bất cập của Bộ luật hình sự và Thông tư số 17 về xử lý hình sự đối với tội phạm ma túy, cụ thể là quy định về giám định hàm lượng ma túy. Các vướng mắc, bất cập này cũng đã được Bộ Công an, Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo với Chủ tịch nước, Ban Nội chính Trung ương. Tháng 3/2015, Chủ tịch nước đã có ý kiến chỉ đạo về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch nước, hiện nay, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp đang xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17. Trong đó, những bất cập liên quan đến việc giám định hàm lượng ma túy cũng như các quy định liên quan đến định tội, định khung của tội phạm ma túy được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường bảo vệ quyền con người, phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và khả năng thực tế hiện nay.

6. Cử tri tỉnh Tiền Giang: Đề nghị Quốc hội xem xét, bổ sung quy định hành vi và xử lý hành vi đối với người mua dâm (hiện chỉ quy định xử lý đối tượng bán dâm) vào Bộ luật hình sự, nhằm góp phần xử lý triệt để tệ nạn mại dâm hiện vẫn còn diễn biến phức tạp, trá hình dưới nhiều hình thức.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Hiện nay, Điều 256 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã quy định về trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua dâm người chưa thành niên tại; mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù, ngoài ra, người phạm tội còn bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến mười triệu đồng. Như vậy, Bộ luật hình sự hiện hành đã xử lý (quy định là tội phạm) đối với người đã thành niên đã có hành vi mua dâm người chưa thành niên và với mức phạt như trên, Bộ luật hình sự được đánh giá là có mức hình phạt khá nghiêm khắc.

Đối với hành vi của người đã thành niên mua dâm người đã thành niên, qua rà soát Bộ luật hình sự, Bộ Tư pháp nhận thấy hành vi này chưa được quy định trong Bộ luật hình sự, nên chưa bị coi là tội phạm. Tuy nhiên, hành vi mua dâm người đã thành niên hiện nay đang được xử lý bằng các chế tài khác như xử lý vi phạm hành chính (cụ thể tại Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày

12/11/2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình); pháp luật về cán bộ, công chức và Điều lệ Đảng với Đảng viên. Trên thực tế, các chế tài này đã góp phần xử lý một cách hiệu quả và phù hợp với tính chất, quan hệ của hành vi vi phạm trong trường hợp này. Do vậy, việc đề nghị Quốc hội bổ sung quy định trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi mua dâm người đã thành niên cần tiếp tục được nghiên cứu, cân nhắc trong thời gian tới.

7. Cử tri tỉnh Quảng Ninh: Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn cụ thể hóa về “yếu tố qua biên giới” đối với 2 tội danh buôn lậu (Điều 153) và vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 154) tại Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999. Vì hiện nay việc thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi vi phạm gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi đối tượng đã đưa hàng hóa nhập lậu vào sâu trong thị trường nội địa để tiêu thụ với số lượng lớn vì phải chứng minh “yếu tố qua biên giới”.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, tội buôn lậu hay tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới được hiểu là hành vi buôn bán hoặc vận chuyển hàng hoá, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá và hàng cấm qua biên giới, nghĩa là buôn bán, vận chuyển các đối tượng nêu trên từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam hoặc ngược lại mà không khai báo hoặc khai báo gian dối (khai giảm số lượng, khác chủng loại,... nhằm mục đích trốn thuế), giả mạo giấy tờ, giấu giếm hàng hoá,... không có giấy phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền, không đi qua cửa khẩu (đường bộ, đường biển, đường hàng không), để trốn tránh sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền. Ví dụ: đối tượng mua số lượng lớn linh kiện điện tử từ Trung Quốc và thông qua con đường tiểu ngạch đưa vào Việt Nam để trốn thuế, trốn tránh sự kiểm soát của cơ quan chức năng (hải quan, thuế vụ,...). Thực tiễn điều tra truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến tội buôn lậu và tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới còn bao gồm cả trường hợp người phạm tội lợi dụng chính sách tạm nhập, tái xuất hàng hóa của Nhà nước để thực hiện hành vi buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Ví dụ: người nhận hàng từ kho ngoại quan (kho xăng dầu), sau đó làm thủ tục tái xuất sang nước thứ ba, nhưng đã làm hồ sơ khống là đã tái xuất nhưng thực chất là lại bán trong nội địa. Hành vi này cũng được coi là hành vi buôn lậu.

Qua tổng kết thi hành BLHS 1999 cho thấy việc xác định yếu tố “qua biên giới” theo cách hiểu nêu trên vẫn được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện và chưa có vướng mắc gì lớn. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của

cử tri và sẽ trao đổi với cơ quan có liên quan để có hướng xử lý phù hợp hơn đối với vấn đề này trong quá trình hoàn thiện và triển khai Bộ luật hình sự (sửa đổi).

8. Cử tri tỉnh Kiên Giang: Cử tri cho rằng, Điều 140 Bộ luật hình sự quy định về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quá trình áp dụng còn nhiều nhận thức khác nhau. Vì vậy, cần có văn bản quy định rõ yếu tố bắt buộc: Bỏ trốn; khi vay, mượn tiền, tài sản mà mất khả năng trả nợ nhưng không chứng minh được việc sử dụng hợp pháp, đúng mục đích thì xử lý trách nhiệm hình sự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua khảo sát thực tiễn 14 năm thi hành Bộ luật hình sự, kết quả cho thấy, Điều 140 Bộ luật hình sự hiện hành bộc lộ một số bất cập, hạn chế, đúng như ý kiến cử tri nêu. Do vậy, để khắc phục những bất cập, hạn chế này, dự thảo Bộ luật hình sự đã sửa đổi, bổ sung Điều 140 Bộ luật hình sự hiện hành về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo hướng đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, bao quát hết các trường hợp phạm tội trong thực tế, tránh bỏ lọt tội phạm, cụ thể:

Điều 174. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (sửa đổi)

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng, đến thời hạn phải trả lại tài sản nhưng cố tình không trả lại tài sản mặc dù có khả năng trả lại tài sản đó;

c) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng, quy định như trên có thể dẫn đến tình trạng hình sự hóa quan hệ dân sự. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các cơ quan hữu quan, nghiên cứu để xử lý vấn đề này trong dự thảo Bộ luật hình sự để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ X tới đây.

9. Cử tri tỉnh Kiên Giang: Đề nghị có văn bản hướng dẫn cụ thể về định lượng trong các tình tiết định khung hình phạt tại các Điều 182, 182b; Điều 185; Điều 187; Điều 191... Chương XVII của Bộ luật hình sự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Các quy định của Bộ luật hình sự 1999 về các tội phạm môi trường hầu hết quy định các dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt có tính chất định tính như gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, số lượng lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn... Để có thể áp dụng, xử lý các vi phạm trong thực tiễn, việc ban hành văn bản hướng dẫn các tình tiết này là cần thiết. Tuy nhiên, do đặc điểm của các vi phạm trong lĩnh vực môi trường, việc xác định hậu quả cũng như các tình tiết nêu trên gặp nhiều khó khăn, cản trở tiến độ ban hành văn bản hướng dẫn.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi), các quy định về tội phạm môi trường đã được rà soát và sửa đổi, bổ sung theo hướng hạn chế các tình tiết định tính, xác định cụ thể yếu tố định lượng là tình tiết định tội, định khung hình phạt đối với một số tội phạm cụ thể như tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 182 Bộ luật hình sự 1999), tội vi phạm các quy định về quản lý chất thải độc hại (Điều 182a), tội hủy hoại rừng (Điều 189)... tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng, xử lý tội phạm.

10. Cử tri các tỉnh Lạng Sơn: Đề nghị xem xét việc thừa kế không nên quy định thời hiệu khởi kiện trong dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), do có trường hợp khi vụ việc xảy ra người liên quan còn nhỏ, khi đủ tuổi thì thời gian khởi kiện đã hết.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 thì "thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế", đúng như ý kiến của cử tri, quy định này đã gây ra nhiều bất cập trong thực tiễn áp dụng, chưa giải quyết được một cách triệt để và dứt điểm các tranh chấp phát sinh.

Bộ Tư pháp đã nghiên cứu các giải pháp để khắc phục bất cập, tạo công cụ pháp lý tốt hơn để Tòa án bảo vệ các quyền dân sự của tổ chức, cá nhân, đồng thời hạn chế tình trạng Tòa án có thể căn cứ vào thời hiệu mà từ chối yêu cầu giải quyết vụ việc. Theo đó, dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)¹ quy định theo hướng, thời hạn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thừa kế là ba mươi năm đối với bất động sản, mười năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế; nếu hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó, đồng thời

¹ Đã được trình Quốc hội khoá XIII cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, 9 và sẽ được xem xét, thông qua vào kỳ họp thứ 10, cuối năm 2015.

dự thảo Bộ luật cũng quy định cụ thể để xử lý trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản (Điều 639 dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)).

11. Cử tri tỉnh Bến Tre kiến nghị: Trước khi ban hành nghị định, thông tư cần đưa dự thảo nghị định, thông tư đó lên các phương tiện thông tin, đại chúng khoảng 1 đến 3 tháng để lấy ý kiến đóng góp của người dân. Có ý kiến đóng góp của người dân thì quy định của dự thảo nghị định, thông tư đó sẽ được chặt chẽ hơn và thực thi một cách dễ dàng hơn.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật ban hành VBQPPL năm 2008 đã quy định một số cơ chế nhằm kiểm soát chất lượng của dự thảo thông tư và nghị định, trong đó có quy định về việc lấy ý kiến dự thảo nghị định và thông tư trong quá trình soạn thảo. Theo đó, Điều 62 và Điều 70 của Luật quy định về trách nhiệm, hình thức và thời hạn lấy ý kiến dự thảo nghị định và dự thảo thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ như sau:

- Về trách nhiệm lấy ý kiến: Cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo nghị định và cơ quan ban hành thông tư.

- Hình thức lấy ý kiến: Điều 62 của Luật ban hành VBQPPL năm 2008 quy định việc lấy ý kiến về dự thảo nghị định có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo để góp ý, tổ chức hội thảo, thông qua Trang thông tin điện tử của Chính phủ, của cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với dự thảo thông tư, Điều 70 của Luật ban hành VBQPPL năm 2008 quy định hình thức lấy ý kiến là đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và gửi lấy ý kiến trực tiếp.

- Thời gian lấy ý kiến: Trong quá trình soạn thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo nghị định, cơ quan ban hành thông tư phải đăng tải dự thảo nghị định và dự thảo thông tư trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo và Trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ để lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thời hạn ít nhất là 60 ngày.

Tiếp tục xác định tầm quan trọng của việc phát huy dân chủ trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tại Kỳ họp thứ 9 vừa qua, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật ban hành VBQPPL mới (năm 2015 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2016) với những điểm mới đột phá liên quan đến quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL, đặc biệt là có sự tách bạch giữa quy trình xây dựng chính sách với quy trình soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, tăng cường việc lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Đối với nghị định của Chính phủ, ở cả giai đoạn xây dựng chính sách và giai đoạn soạn thảo, Luật ban hành VBQPPL năm 2015 quy định đều phải đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của cơ quan lập đề nghị, soạn thảo nghị định để lấy ý kiến, trong đó:

+ Ở giai đoạn lập đề nghị, Điều 86 quy định cơ quan lập đề nghị phải đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị định trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

+ Ở giai đoạn soạn thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo phải đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý. Ngoài ra, việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đối với dự thảo thông tư, Điều 101 của Luật ban hành VBQPPL năm 2015 quy định trong quá trình soạn thảo, bộ, cơ quan ngang bộ phải đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ trong thời gian ít nhất là 60 ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Như vậy, cơ chế đăng tải công khai dự thảo nghị định, thông tư để lấy ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đều được Luật ban hành VBQPPL năm 2008 và Luật ban hành VBQPPL năm 2015 quy định. Bộ Tư pháp mong muốn cử tri tiếp tục quan tâm, theo dõi các dự thảo văn bản QPPL được đăng tải để tham gia ý kiến.

12. Cử tri tỉnh Kiên Giang: Đề nghị ban hành thông tư hướng dẫn sau sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư ban hành trước, thì nên gom chung thành một thông tư mới và bãi bỏ thông tư cũ để các cơ quan dễ tra cứu thực hiện.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Điều 9 của Luật ban hành VBQPPL năm 2008 quy định về việc sửa đổi, bổ sung thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

2. Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới ngay trong văn bản mới đó; trong trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản đó danh mục văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực.

3. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành”.

Để bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình áp dụng, Luật ban hành VBQPPL năm 2008 không quy định bắt buộc khi sửa đổi, bổ sung VBQPPL thì phải ban hành văn bản mới thay thế. Do trên thực tế, có hai mức độ sửa đổi, bổ sung VBQPPL là sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi toàn diện. Thông thường, nếu văn bản sửa đổi toàn diện, các cơ quan sẽ ban hành văn bản mới để thay thế văn bản cũ.

Để thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng và thi hành pháp luật, như ý kiến của cử tri đã nêu, Điều 92 của Luật ban hành VBQPPL năm 2008 quy định về việc hợp nhất VBQPPL như sau: “Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của VBQPPL được hợp nhất về mặt kỹ thuật với văn bản được sửa đổi, bổ sung”. Trên cơ sở quy định tại Điều 92 của Luật ban hành VBQPPL năm 2008, ngày 22/3/2012, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh hợp nhất VBQPPL để quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong việc hợp nhất văn bản, trình tự, kỹ thuật hợp nhất văn bản nhằm góp phần bảo đảm cho hệ thống pháp luật đơn giản, rõ ràng, dễ sử dụng, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Văn bản hợp nhất có giá trị sử dụng chính thức trong việc áp dụng và thi hành pháp luật.

13. Cử tri thành phố Hải Phòng: Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Bộ Lao động - Thương binh sớm ban hành văn bản hướng dẫn việc xác định con nuôi là liệt sĩ để tạo điều kiện xét phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Nội dung cử tri nêu về việc xác định con nuôi là liệt sĩ để tạo điều kiện xét phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” đã được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐT BXH ngày 10/10/2014 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 56/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, trong đó, khoản 2 Điều 2 Thông tư đã quy định: con đẻ, con nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi phải được pháp luật thừa nhận hoặc chính quyền cấp xã xác nhận; khoản 1 Điều 3 cũng quy định: trường hợp liệt sĩ là con đẻ đồng thời là con nuôi thì sẽ xét tặng hoặc truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho cả hai bà mẹ nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

II. Kiến nghị về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Cử tri các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa Vũng Tàu, Hải Dương, An Giang: Đề nghị Nhà nước cần nghiên cứu, tăng cường nhiều hơn nữa các giải pháp tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước để người dân được nắm rõ, hiểu và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nhất là các đạo luật liên quan đến đại bộ phận dân cư, như: đất đai, hôn nhân gia đình, bảo vệ trẻ em, bảo hiểm xã hội, dân sự, hình sự....

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Những năm qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã được Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, đoàn thể địa phương quan tâm, chú trọng, nhất là sau khi Luật PBGDPL (2012) được ban hành và có hiệu lực pháp luật. Nhiều giải pháp đã được đề ra nhằm xác định rõ nhu cầu PBGDPL của người dân và xã hội, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước để công tác này ngày càng đi vào nề nếp, thực chất hơn, bám sát nhu cầu của xã hội; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng; kết hợp chặt chẽ với công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng nhằm gắn kết chặt chẽ hơn với công tác xây dựng, thực thi và bảo vệ pháp luật.

Hàng năm Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương đều ban hành Kế hoạch PBGDPL; tăng cường công tác hướng dẫn, chỉ đạo triển khai, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện. Đặc biệt, ngay sau khi các luật, pháp lệnh được ban hành, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành biên soạn Đề cương tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của văn bản; chỉ đạo các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương tăng cường các hoạt động quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung, tinh thần của văn bản đến nhân dân bằng

những hình thức phù hợp, nhất là qua phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng, mạng lưới loa truyền thanh cơ sở và đưa công tác PBGDPL vào giảng dạy trong các nhà trường, cả chương trình chính khóa và các hoạt động ngoại khóa. Qua đó bước đầu bảo đảm thực hiện quyền được thông tin pháp luật của người dân, giúp người dân hiểu rõ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nhất là các văn bản, chính sách mới liên quan trực tiếp đến người dân: đất đai, hôn nhân và gia đình, bảo vệ trẻ em, bảo hiểm xã hội, dân sự, hình sự.

Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục nghiên cứu, nhận diện đầy đủ nhu cầu PBGDPL của người dân và xã hội; tổng kết các mô hình PBGDPL đã được triển khai xây dựng để nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả để gắn kết công tác này với công tác xây dựng, thực thi pháp luật; tiếp tục nghiên cứu, đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng, địa bàn, vùng miền, lĩnh vực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về PBGDPL; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nảy sinh từ thực tiễn, nhất là các nguồn lực và điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đề nghị cử tri tiếp tục quan tâm, tăng cường giám sát việc thực hiện trách nhiệm PBGDPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ PBGDPL cũng như trong việc thực hiện pháp luật về PBGDPL; tích cực tự giác và chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật; tham gia PBGDPL cho nhân dân; có ý kiến để Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan có thẩm quyền kịp thời kiến nghị Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có giải pháp bảo đảm đủ điều kiện về nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ công tác PBGDPL.

2. Cử tri tỉnh Bình Định

Cử tri kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan, các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các dự án luật mới có hiệu lực cần tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật. Trong trường hợp có phản ánh của cử tri về một số quy định của pháp luật chưa phù hợp, đề nghị Chính phủ cần có thời gian để đánh giá đúng và đầy đủ về tính thực tiễn, tính hiệu quả, hiệu lực của các quy định nêu trên trong thực tiễn, không nên vừa có phản ứng của một số ít cử tri đã vội kiến nghị sửa luật. Đồng thời, kiến nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành và các địa phương phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhất là các dự án luật mới được Quốc hội ban hành để nhân dân hiểu và thực hiện nhằm đảm bảo tính hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Hiện nay, trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của cả nước và thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quán triệt, chỉ đạo cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải thực hiện nghiêm chỉnh, tuân thủ và chấp hành pháp luật theo đúng quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định pháp luật có liên quan theo đúng nguyên tắc Nhà nước tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời xác định đây là một nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác hằng năm của mỗi cơ quan nhà nước, mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Vì vậy, đề nghị cử tri tiếp tục quan tâm, tăng cường giám sát việc tuân thủ, chấp hành pháp luật của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm để pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Để thực hiện Luật PBGDPL, hằng năm, Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương đều ban hành Kế hoạch PBGDPL; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tích cực triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật trong cán bộ, nhân dân; vận động nhân dân tuân thủ, chấp hành pháp luật, nhất là đối với các văn bản, quy định pháp luật mới được ban hành. Bộ Tư pháp cũng đã ký kết và triển khai thực hiện nhiều chương trình phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể để tăng cường công tác PBGDPL cho thành viên, hội viên của các tổ chức đoàn thể xã hội (với Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Công đoàn viên chức Việt Nam...). Ngoài ra, trong khuôn khổ một số Đề án, Chương trình PBGDPL đều quan tâm, tăng cường công tác PBGDPL cho các nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực đặc thù. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhất là các dự án luật mới được Quốc hội ban hành để nhân dân hiểu và thực hiện.

III. Về công tác trợ giúp pháp lý, cử tri tỉnh Bình Định kiến nghị: Luật Trợ giúp pháp lý ban hành năm 2006 và Nghị định 07/2007/NĐ-CP, Nghị định 14/2013/NĐ-CP quy định rõ các đối tượng được trợ giúp pháp lý, đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng này thực hiện các quan hệ pháp luật theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay tại địa phương nhu cầu được trợ giúp pháp lý

ngày càng tăng, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội gặp nhiều khó khăn, chưa có điều kiện để tham gia các quan hệ pháp luật khi có nhu cầu. Vì vậy, cử tri tiếp tục kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý theo hướng mở rộng một số đối tượng được trợ giúp pháp lý như: người từ 80 tuổi trở lên không nhất thiết phải sống cô đơn, không nơi nương tựa; người dân tộc thiểu số không phụ thuộc nơi thường trú là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phụ nữ bị bạo hành, người thuộc hộ cận nghèo.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu về việc mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý để đề xuất với Chính phủ, Quốc hội trong quá trình xây dựng dự án Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) (dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV), bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Tư pháp cũng xin thông tin thêm với cử tri là ngày 01/6/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015 - 2025, trong đó xác định trong giai đoạn từ khi Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) có hiệu lực đến năm 2025 sẽ nghiên cứu mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý đối với người thuộc hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, nạn nhân bạo lực gia đình, trẻ em dưới 18 tuổi, những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa.

IV. Kiến nghị về công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

1. Cử tri tỉnh Bình Thuận: Đề nghị Bộ Tư pháp khi cấp biểu mẫu Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận kết hôn cho cơ sở thì cấp luôn mẫu Bản sao để thực hiện thống nhất trong cả nước. Không nên để cơ sở địa phương tự in ấn bản sao làm mất giá trị giấy tờ tùy thân của công dân.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định của Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP (Điều 1) thì Bộ Tư pháp chỉ in, phát hành 05 loại sổ hộ tịch và 05 loại biểu mẫu bản chính giấy tờ hộ tịch (in màu, có hoa văn), bao gồm: Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn (mẫu sử dụng trong nước và đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài), Giấy chứng tử, Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con. Đối với các biểu mẫu bản sao (bao gồm cả bản sao Giấy khai sinh, bản sao Giấy chứng nhận kết hôn), để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đồng thời tránh tốn kém, lãng phí do phải in màu, hoa văn, các biểu mẫu này

đều được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp; cơ quan đăng ký hộ tịch truy cập trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để in và sử dụng (trên giấy trắng A4 thông dụng). Quy định này kế thừa quy định của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp, đã triển khai thực hiện từ năm 2010 đến nay, đã và đang phát huy hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu của người dân, chưa thấy có thêm bất kỳ phản ánh nào của cá nhân, tổ chức, cơ quan tư pháp về việc làm mất giá trị giấy tờ do sử dụng bản sao Giấy khai sinh, bản sao Giấy chứng nhận kết hôn in trên giấy trắng A4 thông thường.

Ngày 20/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật hộ tịch. Theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch được ban hành kèm theo Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Tư pháp sẽ xây dựng Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch trong đó có quy định về sử dụng, quản lý Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, trích lục hộ tịch và các biểu mẫu hộ tịch khác. Trong quá trình xây dựng Thông tư, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu ý kiến của cử tri để có quy định phù hợp, vừa bảo đảm chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước, vừa bảo đảm thuận tiện cho người dân.

2. Cử tri thành phố Đà Nẵng phản ánh: Do yếu tố lịch sử nên một số trường hợp có bản sao giấy khai sinh nhưng lại không có bản gốc (bản chính) và từ trước đến nay mọi giao dịch liên quan đến nhân thân đều thực hiện bằng bản sao. Thời gian qua, trong một số giao dịch khi cơ quan chức năng yêu cầu cung cấp bản gốc giấy khai sinh để đối chiếu thì người dân đến cơ quan Tư pháp (UBND cấp xã, phường nơi đăng ký khai sinh) để xin cấp lại bản gốc. Tuy nhiên, thông tin giữa hồ sơ gốc lưu tại cơ quan tư pháp và bản sao giấy khai sinh do người dân cung cấp là khác nhau. Do đó, dẫn đến gây trở ngại, khó khăn cho người dân; đặc biệt là đối tượng học sinh, sinh viên trong quá trình thi cử, xin việc làm... Cử tri đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, có hướng tháo gỡ để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân cũng như cán bộ làm công tác tư pháp- hộ tịch.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch thì Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân, các giấy tờ khác có thông tin liên quan phải phù hợp với Giấy khai sinh (khoản 2 Điều 5 của Nghị định). Sổ đăng ký khai sinh là cơ sở để cấp lại bản chính Giấy khai sinh cho cá nhân (trong trường hợp có yêu cầu cấp lại) hoặc cấp bản sao Giấy khai sinh (bản sao từ sổ gốc). Như vậy, về nguyên tắc, Giấy khai sinh cấp lại hoặc bản sao Giấy khai sinh phải phù hợp với Sổ đăng ký khai sinh và là cơ sở để điều chỉnh các hồ sơ, giấy tờ khác của cá nhân.

Trong trường hợp có sự sai lệch thông tin giữa bản sao Giấy khai sinh và sổ gốc đăng ký khai sinh, cơ quan tư pháp cần kiểm tra hồ sơ đăng ký khai sinh đang được lưu trữ. Nếu phát hiện nội dung trong hồ sơ lưu trữ thống nhất với bản sao Giấy khai sinh và nội dung trong Sổ đăng ký khai sinh là do công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi sai, thì có cơ sở để thực hiện việc cải chính thông tin hộ tịch trong Sổ đăng ký khai sinh. Trường hợp không có cơ sở để chứng minh thông tin trong bản sao Giấy khai sinh hoặc không còn lưu trữ được hồ sơ đăng ký khai sinh thì không thể cải chính thông tin hộ tịch trong Sổ đăng ký khai sinh.

V. Kiến nghị về công tác hỗ trợ tư pháp

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tây Ninh, Long An:

a) **Cử tri tỉnh Tây Ninh:** Đề nghị Bộ sớm ban hành văn bản hướng dẫn Luật công chứng về thu nộp phí để địa phương thuận lợi trong việc triển khai, thực hiện.

b) **Cử tri tỉnh Long An** phản ánh: Về hoạt động công chứng các hợp đồng giao dịch dân sự, trong đó có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các Văn phòng Công chứng: Ngoài việc thu phí cao hơn mức thu ở cấp xã thì các Văn phòng công chứng cũng chỉ hoạt động như một doanh nghiệp bình thường, không quản lý và nắm bắt được tình hình biến động và tranh chấp đất đai như địa phương. Trường hợp người dân cố tình công chứng cùng một hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại hai văn phòng công chứng khác nhau thì các công chứng viên cũng không thể kiểm soát được. Đây là lỗ hổng tạo nên việc vi phạm phát luật và khi có sự cố xảy ra thì chính người dân là người bị thiệt thòi. Đề nghị Bộ Tư pháp chấn chỉnh vấn đề này.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

- Về việc ban hành văn bản hướng dẫn Luật công chứng về thu nộp phí: ngày 11/8/2015, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 115/2015/TTLT-BTC-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 19/01/2012 hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng, trong đó quy định rõ: Mức thu phí công chứng, chứng thực quy định tại Thông tư này được áp dụng thống nhất đối với Phòng công chứng và Văn phòng công chứng. Trường hợp đơn vị thu phí là Văn phòng công chứng thì mức thu phí quy định tại Thông tư này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp cá nhân, tổ chức nước ngoài có nhu cầu nộp phí bằng ngoại tệ thì thu bằng ngoại tệ trên cơ sở quy đổi đồng Việt Nam ra ngoại tệ theo tỷ giá thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí.

- Về hoạt động công chứng các hợp đồng giao dịch dân sự: theo quy định của Luật công chứng năm 2014 thì chức năng của công chứng viên là cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Công chứng viên chứng nhận về nội dung của hợp đồng, giao dịch, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc công chứng do mình thực hiện, nếu thực hiện việc công chứng sai, công chứng viên phải bồi thường cho người yêu cầu công chứng theo quy định của pháp luật. Phòng Tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã chỉ chứng thực về hình thức; nội dung của hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu chứng thực tự chịu trách nhiệm. Mức lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch thấp hơn so với phí công chứng hợp đồng, giao dịch.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, kiểm soát tình trạng một tài sản giao dịch nhiều lần, hạn chế tranh chấp xảy ra, mất trật tự an toàn xã hội như cử tri có ý kiến, Luật công chứng năm 2014 (khoản 3 Điều 62) đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng.

Sau khi Luật công chứng năm 2014 được ban hành, ngày 01/10/2014, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2250/QĐ-BTP về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật công chứng, trong đó có nêu thời gian để UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh) xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng là trong các năm 2014 - 2016. Ngày 31/3/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 978/BTP-BTTP gửi UBND cấp tỉnh về việc triển khai thi hành Luật công chứng năm 2014 và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, trong đó có đề nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu xây dựng, trình UBND cấp tỉnh ban hành cơ sở dữ liệu về công chứng tại địa phương theo quy định của Luật công chứng. Thực hiện quy định nêu trên của Luật công chứng, thời gian qua, nhiều địa phương đã xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng để chia sẻ thông tin công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản tại địa phương, tiêu biểu như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận...

Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đang nghiên cứu, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc xây dựng Dự án xây dựng hệ thống thông tin và dịch vụ điện tử trong hoạt động công chứng Việt Nam để góp phần đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ công chứng và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công chứng, góp phần ổn định kinh tế - xã hội.

2. Cử tri tỉnh Bắc Kạn phản ánh: Ngày 27/8/2014, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 347/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, trong đó nêu rõ ý kiến về việc "... *ng nghiêm túc thực hiện quy định về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013*". Theo đó, liên quan công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất thì người dân có thể công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại ủy ban nhân dân cấp xã. Tuy nhiên, tại văn bản số 4800/BTP-BTTP ngày 21/11/2014 về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất, Bộ Tư pháp lại chỉ đạo các tỉnh không chuyển giao lại quyền chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất cho UBND cấp xã. Đề nghị có sự thống nhất hướng dẫn, chỉ đạo để các địa phương thuận lợi trong triển khai thực hiện.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Sau khi Bộ Tư pháp có văn bản số 4800/BTP-BTTP ngày 21/11/2014 nêu trên gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp có văn bản số 58/BC-BTP ngày 13/3/2015 báo cáo lại Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải (Thông báo 3050/VPCP-KTN ngày 4/5/2015 của Văn phòng Chính phủ), trong đó có giao cho Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện thống nhất vấn đề này, ngày 29/6/2015, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 2271/BTP-BTTP hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

"1. Thực hiện quy định về thẩm quyền công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, bảo đảm người dân có quyền lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối với các địa bàn đã thực hiện việc chuyển giao chứng thực hợp đồng, văn bản từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã có quyết định chuyển giao xem xét những nơi mà việc chuyển giao đã ổn định, tổ chức hành nghề công chứng hoạt động tốt, đáp ứng được nhu cầu thì xem xét, quyết định giữ nguyên việc chuyển giao để tránh gây xáo trộn, khó khăn cho người dân".

Qua theo dõi, nhiều địa phương (Hà Tĩnh, Bình Thuận, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đắk Nông...) đã có văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện Công văn nêu trên của Bộ Tư pháp, góp phần bảo đảm ổn định hoạt động công chứng, chứng thực. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp tình hình triển khai thực hiện ở các địa phương để tiếp tục có hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cử tri tỉnh Long An: Đề nghị cho phép người dân được chủ động lựa chọn hình thức chứng thực hợp đồng dân sự, trong đó có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn hay công chứng tại các Văn phòng công chứng.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Luật đất đai năm 2013 quy định một số hợp đồng, văn bản được công chứng hoặc chứng thực theo yêu cầu của các bên và một số hợp đồng, văn bản phải được công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, theo quy định hiện hành người dân có quyền lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng (Phòng công chứng, Văn phòng công chứng) hoặc chứng thực tại UBND cấp xã. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản về quyền sử dụng đất do tổ chức hành nghề công chứng, UBND cấp xã thực hiện (quy định tại Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch). Tuy nhiên, công chứng viên thực hiện công chứng về nội dung và chịu trách nhiệm về văn bản công chứng do mình thực hiện, còn người thực hiện chứng thực chỉ chứng thực về hình thức; nội dung của hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu chứng thực tự chịu trách nhiệm. Bộ Tư pháp đã chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân khi thực hiện các hợp đồng, giao dịch thì cần xem xét kỹ việc lựa chọn công chứng hoặc chứng thực để bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch của mình, nhất là khi có tranh chấp xảy ra.

4. Cử tri thành phố Đà Nẵng phản ánh: Hiện nay các đối tượng đảm nhận chức danh tư pháp như: Công chứng viên, Chấp hành viên, Thẩm tra viên... đều được hưởng phụ cấp nghề, phụ cấp thâm niên; trong khi đó, Đấu giá viên cũng là chức danh tư pháp, trách nhiệm cũng hết sức nặng nề nhưng chưa có chế độ phụ cấp nêu trên. Cử tri đề nghị Chính phủ quan tâm có chế độ phụ cấp nghề, phụ cấp thâm niên cho đối tượng đảm nhận chức danh tư pháp Đấu giá viên.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong hoạt động bán đấu giá tài sản, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản đã

quy định Sở Tư pháp có nhiệm vụ xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá sang mô hình doanh nghiệp đối với các tỉnh, thành phố có từ 02 doanh nghiệp đấu giá trở lên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt. Chủ trương tiếp tục xã hội hóa hoạt động bán đấu giá tài sản cũng được cụ thể hóa trong Dự án Luật đấu giá tài sản, theo đó, các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá sẽ được dần chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị này của cử tri thành phố Đà Nẵng, trong quá trình xây dựng Dự án Luật sẽ nghiên cứu có những giải pháp và đề xuất hợp lý để giải quyết thỏa đáng quyền lợi của Đấu giá viên làm việc tại các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá khi tiến hành chuyển đổi nói chung và vấn đề phụ cấp nghề, thâm niên đối với đội ngũ Đấu giá viên nói riêng, đảm bảo phù hợp với chủ trương xã hội hóa hoạt động bán đấu giá và thực tiễn hoạt động đấu giá tại địa phương.

5. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tiền Giang, Bạc Liêu:

a) **Cử tri tỉnh Tiền Giang** phản ánh: Hiện nay, người dân vay vốn để sản xuất nông nghiệp với số tiền từ 50 triệu trở lên tại các ngân hàng phải thế chấp bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có công chứng, nhưng thủ tục công chứng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất còn rườm rà, nhiều thủ tục gây khó khăn cho người dân. Cử tri đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sửa đổi quy định công chứng theo hướng giảm bớt thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện thủ tục công chứng vay vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) **Cử tri tỉnh Bạc Liêu** phản ánh: Thủ tục cho vay vốn của các ngân hàng thương mại với hình thức thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) đối với hộ gia đình, quy định như hiện nay (*đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình*) bắt buộc tất cả thành viên trong hộ gia đình phải cùng ký tên trước mặt công chứng viên thì mới cho vay vốn, quy định như vậy gây khó khăn đối với người vay vốn; vì thực tế có những trường hợp do hoàn cảnh các thành viên trong hộ gia đình phải đi làm ăn, sinh sống ở địa phương khác nên không có mặt đầy đủ để hoàn tất thủ tục. Đề nghị cần nghiên cứu, xem xét các thủ tục để người dân thuận tiện trong việc vay vốn đầu tư cho sản xuất cũng như tiêu dùng.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch nói chung và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói riêng đã được quy định tại Luật công chứng năm 2014 và các luật liên quan như Bộ luật dân sự, Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình xây dựng Luật Công chứng, các thủ tục hành chính đã được rà soát để đơn giản hóa theo tinh thần cải cách thủ tục hành chính nhưng vẫn phải đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý, theo đó người yêu cầu công chứng chỉ cần nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (không yêu cầu nộp bản

sao có chứng thực) khi công chứng hợp đồng, giao dịch. Liên quan đến việc chứng thực bản sao từ bản chính, trước đây pháp luật quy định chỉ có UBND cấp huyện, cấp xã mới có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính dẫn đến tình trạng quá tải, người dân phải chờ đợi lâu, đôi khi phải đi lại nhiều lần. Để khắc phục tình trạng này và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, Luật công chứng năm 2014 (Điều 77) đã quy định công chứng viên cũng có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính (bên cạnh UBND cấp huyện, cấp xã).

Riêng về thể chấp quyền sử dụng đất, đây là giao dịch liên quan đến tài sản có giá trị lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, dễ bị lợi dụng, do đó, pháp luật có quy định chặt chẽ để đảm bảo an toàn pháp lý cho giao dịch này và cho những người có quyền và nghĩa vụ có liên quan. Bộ luật dân sự, Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những quy định về định đoạt tài sản chung của hộ gia đình, việc ký kết hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Theo đó, khi thể chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì phải được các thành viên hộ gia đình có quyền sử dụng đất đồng ý. Công chứng viên khi thực hiện công chứng hợp đồng thể chấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình thì ngoài việc căn cứ vào Luật công chứng, còn phải căn cứ vào quy định nêu trên của Bộ luật dân sự và Luật đất đai. Theo quy định của Luật công chứng, người yêu cầu công chứng phải ký trước mặt công chứng viên; trường hợp có thành viên của hộ gia đình không thể cùng đến tổ chức hành nghề công chứng để thực hiện việc ký hợp đồng thể chấp thì thành viên đó có thể ủy quyền cho thành viên khác thay mình ký hợp đồng tại tổ chức hành nghề công chứng. Về nguyên tắc thì việc ủy quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, song khoản 2 Điều 55 Luật công chứng cũng đã quy định: “Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng thì bên ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này, hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền”. Thông tư số 06/2015/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng cũng đã có mẫu lời chứng của công chứng viên đối với hợp đồng ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng (Mẫu TP-CC-20.2a).

Hiện nay, Bộ Tư pháp vẫn đang tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực công chứng, trong đó có thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch. Đồng thời tăng cường hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng trong việc thực hiện các quy định pháp luật nêu trên.

6. Cử tri tỉnh Hải Dương: Đề nghị Chính phủ có sự thống nhất trong chủ trương xã hội hóa các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo hướng việc gì các tổ chức

khác đủ khả năng làm thì nhà nước chỉ đóng vai trò quản lý, đồng thời có cơ chế bảo đảm cho hoạt động xã hội hóa được thực hiện ổn định, giảm tải công việc cho chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã, tránh giao quá nhiều việc cho cấp xã trong điều kiện số lượng công chức tư pháp hộ tịch cấp xã vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về trình độ chuyên môn.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp là chủ trương của Đảng được xác định trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị. Thực hiện chủ trương này, thời gian qua Bộ Tư pháp đã có nhiều cố gắng trong việc đề xuất với Chính phủ, Quốc hội ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp thuộc chức năng quản lý của ngành theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa. Chẳng hạn như trong lĩnh vực công chứng, Quốc hội đã ban hành Luật công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng..., theo hướng đẩy mạnh việc phát triển các Văn phòng công chứng; chuyển đổi Phòng công chứng do Nhà nước thành lập thành Văn phòng công chứng; giao thêm nhiệm vụ chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản trước đây thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng cùng thực hiện; quy định công chứng viên được công chứng bản dịch bên cạnh việc chứng thực chữ ký người dịch của Phòng Tư pháp; chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện sang các tổ chức hành nghề công chứng để bảo đảm tính chuyên nghiệp bởi đây là hoạt động hỗ trợ tư pháp, mặt khác giảm gánh nặng cho UBND cấp huyện, cấp xã, tạo điều kiện để các cơ quan này thực hiện tốt chức năng quản lý hành chính nhà nước. Đến nay, việc xã hội hóa hoạt động công chứng đã đạt được kết quả quan trọng, được cá nhân, tổ chức đón nhận. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, Bộ Tư pháp cũng đang triển khai xã hội hóa một số hoạt động hỗ trợ tư pháp khác như giám định tư pháp, đấu giá tài sản và thí điểm chế độ thừa phát lại. Trong quá trình thực hiện, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, Chính phủ...) có chỉ đạo thống nhất trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa như cử tri đã đề nghị.

7. Cử tri tỉnh Hải Dương cho rằng công tác quản lý hoạt động của luật sư đang buông lỏng, cần có những quy định rõ ràng để đảm bảo kỷ cương và trật tự.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Có thể khẳng định công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư trong thời gian qua không ngừng được quan tâm, chú trọng, đặc biệt là về các mặt sau đây:

- Một là, về thể chế về luật sư và hành nghề luật sư: Hiện nay, thể chế về luật sư và hành nghề luật sư cơ bản đã được hoàn thiện với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật chặt chẽ, thống nhất gồm 01 Luật, 01 Nghị định và 06 Thông tư hướng dẫn thi hành, bảo đảm nguyên tắc quản lý luật sư và hành nghề luật sư được thực hiện trên cơ sở “kết hợp quản lý nhà nước với chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư”, nhà nước đóng vai trò “thống nhất quản lý luật sư và hành nghề luật sư”². Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành các Nghị định quy định về hoạt động thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực luật sư³.

- Hai là, về công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư trên thực tế:

+ Công tác quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư được quan tâm, chú trọng thông qua việc đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo luật sư, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, hướng dẫn nghiệp vụ địa phương, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm, bảo đảm trật tự kỷ cương của hoạt động luật sư.

+ Công tác tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tiếp tục được nâng cao. Kể từ khi thành lập đến nay, Liên đoàn luật sư Việt Nam đã thành lập các Ủy ban, đơn vị trực thuộc, ban hành 19 quy chế nội bộ để triển khai nhiệm vụ tự quản theo quy định của pháp luật. Công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội nhiệm kỳ của các Đoàn luật sư và Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ II của Liên đoàn luật sư Việt Nam được quan tâm, theo dõi, chỉ đạo và hỗ trợ sát sao. Liên đoàn luật sư và Đoàn luật sư đã từng bước phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư và Điều lệ Liên đoàn luật sư, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan quản lý nhà nước khác ở địa phương thực hiện việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư... Trong nhiệm kỳ 2009-2014, Liên đoàn đã nhận được 443 đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến luật sư, các Đoàn luật sư đã xử lý kỷ luật 94 trường hợp, trong đó kỷ luật xóa tên khỏi danh sách luật sư đối với 21 trường hợp do vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Tuy nhiên, có lúc, có nơi tại một số địa phương còn xảy ra hiện tượng hoạt động quản lý luật sư chưa chặt chẽ (chưa giám sát sát sao việc tuân thủ pháp luật, Quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, chậm xử lý vi phạm...). Năng lực, vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư còn

² Điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật luật sư.

³ Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tư pháp; Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bộ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

hạn chế trong điều kiện nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được chuyển giao cho các tổ chức này thực hiện theo quy định của Luật luật sư. Việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật hành nghề của luật sư vẫn chưa trở thành ý thức tự giác đối với mỗi cá nhân luật sư. Một bộ phận luật sư còn chưa tuân thủ nghiêm pháp luật, thậm chí có trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân, xã hội và các cơ quan tiến hành tố tụng về vai trò, vị trí của luật sư còn chưa đầy đủ, điều này cũng ảnh hưởng nhất định đến vai trò giám sát chung của xã hội đối với hoạt động luật sư.

Trên cơ sở đó, trong thời gian tới, công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư sẽ tiếp tục được Bộ Tư pháp và các cấp chính quyền địa phương quan tâm, tăng cường với việc triển khai đồng bộ các công việc sau: tiếp tục đổi mới, kiện toàn, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp, bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với tổ chức, hoạt động luật sư; củng cố, kiện toàn cơ cấu, tổ chức các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư nhằm phát huy vai trò tự quản của Liên đoàn luật sư Việt Nam, các Đoàn luật sư trong việc quản lý luật sư và hành nghề luật sư; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư; nâng cao nhận thức của xã hội đối với vai trò, vị trí của luật sư; phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; tăng cường công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư...

8. Cử tri tỉnh TP Hồ Chí Minh kiến nghị về hoạt động bán đấu giá tài sản:

- Sớm xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật đấu giá tài sản nhằm hoàn thiện khung pháp lý về bán đấu giá tài sản, trong đó cần quan tâm, mở rộng phạm vi điều chỉnh bán đấu giá tài sản theo hướng quy định rõ về cơ chế đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia hoạt động đấu giá, đặc biệt là đối với tài sản thi hành án, tài sản bảo đảm, cơ chế xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá, quy định về tổ chức xã hội nghề nghiệp của đấu giá viên, công tác quản lý nhà nước trong hoạt động đấu giá, đặc biệt là hoạt động của các doanh nghiệp bán đấu giá, đấu giá viên, quy định tiêu chuẩn thành lập các tổ chức, doanh nghiệp bán đấu giá, quy định về các biện pháp chế tài cụ thể đối với những vi phạm trong hoạt động bán đấu giá tài sản nhằm đảm bảo tính răn đe.

- Rà soát những chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản để sửa đổi, bổ sung cho thống nhất, đồng bộ.

- Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản và văn bản hướng dẫn quy định chưa rõ ràng, cụ thể và thiếu tính khả thi trong thực tế, nhằm kịp thời hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn,

vướng mắc phát sinh trong hoạt động bán đấu giá tại địa phương. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động quản lý doanh nghiệp sau khi đăng ký thành lập, đặc biệt là cơ chế trao đổi, phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước.

- Có giải pháp đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý chuyên ngành đối với hoạt động này, như đổi mới mô hình giám sát doanh nghiệp theo hướng phát huy vai trò xã hội và của các chủ thể khác nhằm hỗ trợ Nhà nước trong quản lý, giám sát doanh nghiệp (thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp của đấu giá viên). Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng việc ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức thanh tra chuyên ngành, tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn của cán bộ quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản ở địa phương.

- Có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng quy tắc đạo đức nghề đấu giá nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hợp tác quốc tế về bán đấu giá tài sản. Nghiên cứu, xây dựng các hệ tiêu chí nhằm đánh giá, khen thưởng và biểu dương các cá nhân, tổ chức nghiên cứu, chấp hành các quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản và có thành tích, đóng góp trong hoạt động bán đấu giá tài sản.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Đối với nội dung kiến nghị về việc ban hành Luật đấu giá tài sản; điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP; đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản:

- Thực hiện Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015 và theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự án Luật đấu giá tài sản. Ngày 28/7/2015, Chính phủ đã thảo luận và nhất trí trình dự án Luật đấu giá tài sản để Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội với mục tiêu xây dựng Luật đấu giá tài sản nhằm tạo cơ sở pháp lý ổn định, thống nhất, lâu dài theo hướng chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động đấu giá tài sản, nâng cao chất lượng đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản và chất lượng hoạt động đấu giá tài sản; thúc đẩy dịch vụ đấu giá tài sản phát triển trong hệ thống các ngành, lĩnh vực, dịch vụ theo cơ chế thị trường; tăng cường cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia đấu giá; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản. Đối với vấn

đề về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên, trên cơ sở quan điểm tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên do các đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản tự nguyện tham gia, thành lập để đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, do đó, việc thành lập tổ chức này được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội. Theo Chương trình, dự án Luật đấu giá tài sản sẽ được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII (tháng 10/2015).

Để xây dựng Luật, Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát các văn bản pháp luật hiện hành về đấu giá tài sản. Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng các loại tài sản bắt buộc bán đấu giá rất đa dạng và được điều chỉnh bởi nhiều văn bản chuyên ngành, quy định về chủ thể bán đấu giá và trình tự, thủ tục bán đấu giá cho từng loại tài sản còn chưa thống nhất. Do vậy, trong quá trình dự thảo Luật đấu giá tài sản Bộ Tư pháp đã xây dựng theo hướng quy định trình tự, thủ tục đấu giá tài sản chung, thống nhất cho các loại tài sản nhằm tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình áp dụng pháp luật.

Bên cạnh đó, để rà soát những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong hoạt động bán đấu giá, Bộ Tư pháp đã đề nghị các địa phương sơ kết 04 năm thi hành Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản. Trên cơ sở các ý kiến đề xuất của địa phương, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tiếp thu để xử lý trong quá trình xây dựng Luật đấu giá tài sản. Ngoài ra, để giải quyết khó khăn của hầu hết các địa phương do cơ chế trao đổi, phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nước trong lĩnh vực đấu giá tài sản gây ra, dự thảo Luật đã quy định theo hướng doanh nghiệp đấu giá tài sản muốn hành nghề đấu giá tài sản phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp nhằm thống nhất quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

- Để đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý chuyên ngành đối với hoạt động này, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập thí điểm Hội đấu giá địa phương. Hội đấu giá địa phương được thành lập nhằm bước đầu xây dựng cơ chế hoạt động tự quản của đấu giá viên tại địa phương; tạo cơ chế thống nhất bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đấu giá viên, tổ chức bán đấu giá tại địa phương; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng chính sách, định hướng phát triển nghề đấu giá, quản lý tổ chức và hoạt động đấu giá, đảm bảo môi trường hoạt động đấu giá lành mạnh, nghề đấu giá phát triển ổn định và bền vững theo hướng xã hội hóa.

Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng việc ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, dự thảo Luật đấu giá tài sản đã có quy định giao Bộ Tư pháp xây dựng trang thông tin chuyên ngành về đấu giá tài sản.

Về thanh tra chuyên ngành đối với công tác đấu giá tài sản, theo quy định của Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Tư pháp, Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ tư pháp là đơn vị có chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đấu giá tài sản cũng đã được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Qua đó, hoạt động thanh tra chuyên ngành đối với lĩnh vực đấu giá sẽ được thực hiện thường xuyên và hiệu quả hơn.

b) Đối với nội dung kiến nghị về việc tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn của cán bộ quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản ở địa phương; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng quy tắc đạo đức nghề đấu giá:

Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020”, trong năm 2013-2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng cần thiết trong hoạt động bán đấu giá tài sản được tại tỉnh Ninh Bình và thành phố Hà Nội cho đội ngũ đấu giá viên và các cán bộ làm công tác quản lý về bổ trợ tư pháp tại các địa phương. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian tới, trên cơ sở sơ, tổng kết thực hiện Đề án nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục xây dựng các kế hoạch để tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ đấu giá viên. Ngoài ra, hiện nay Bộ Tư pháp cũng đang chỉ đạo xây dựng Quy tắc đạo đức hành nghề của đấu giá viên nhằm nâng cao trách nhiệm, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đấu giá viên.

VI. Kiến nghị về công tác thi hành án dân sự

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Định: Đề nghị quan tâm chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục bồi thường Nhà nước tăng cường hướng dẫn Cục Thi hành dân sự tỉnh, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn hoàn thành các thủ tục về bồi thường để giải quyết dứt điểm vụ khiếu nại của bà Đặng Thị Thông, trú tại tổ 28, khu vực 5, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định về việc xử lý hệ quả thi hành án trái pháp luật theo nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bình Định tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 20/4/2015, Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn đã mời bà Đặng Thị Thông đến trụ sở cơ quan để tiến hành thương lượng, theo đó bà Đặng Thị Thông đồng ý nhận số tiền bồi thường là 655.466.500 đồng. Ngày 21/4/2015, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-CCTHADS về việc giải quyết bồi thường đối với bà

Thông, có tờ trình và hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp cấp kinh phí giải quyết yêu cầu bồi thường. Ngày 22/5/2015, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1730/BTP-KHTC đề nghị Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí bồi thường thiệt hại cho bà Thông theo quy định. Ngày 22/6/2015, Bộ Tài chính có Công văn số 8343/BTC-HCSN nhất trí với đề nghị của Bộ Tư pháp. Ngày 22/7/2015, Bộ Tư pháp đã có Quyết định số 515/QĐ-TCTHADS về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, trong đó có nội dung để bồi thường thiệt hại trong thi hành án dân sự vụ việc tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Ngay sau khi được giao bổ sung dự toán ngân sách, Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn đã mời bà Thông lên nhận tiền bồi thường, tuy nhiên Bà Thông có đề nghị không nhận tiền mà nhận đất. Hiện tại Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, đang chờ văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về mức giá đất để có cơ sở tiếp tục hoàn thiện việc bồi thường cho bà Thông.

2. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tiền Giang, Đắk Lắk, Lào Cai, Sơn La:

a) Cử tri các tỉnh Đắk Lắk, Lào Cai, Sơn La phản ánh: Hiện nay nhiều dự án luật đã được ban hành trong đó có Luật Thi hành án dân sự nhưng chưa được triển khai áp dụng. Cử tri đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định và chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện, tránh tình trạng luật khung và đảm bảo công tác quản lý nhà nước tại địa phương được thuận lợi.

b) Cử tri tỉnh Tiền Giang: Đề nghị Chính phủ sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cần thiết để tổ chức triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong tổ chức thực hiện, nhất là quy định chặt chẽ trong việc thi hành, cưỡng chế, xử lý những trường hợp cố tình không thi hành án; đồng thời, răn đe các đối tượng có hành vi chây ì trong thi hành án. Vì thời gian qua nhiều vụ việc Tòa án đã tuyên án, bản án đã có hiệu lực nhưng không thi hành án được.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Sau khi Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; ban hành Kế hoạch của Bộ Tư pháp triển

khai thi hành Luật⁴ và có văn bản quán triệt các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đã ban hành.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đến nay, Bộ Tư pháp đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng: (i) Tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; (ii) In và xuất bản Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; (iii) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự⁵; (iv) ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư⁶; (v) có văn bản hướng dẫn các cơ quan thi hành án dân sự địa phương thực hiện chuyên tiếp Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự. Đặc biệt, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự trong đó, một số nội dung được quy định chặt chẽ trong việc thi hành, cưỡng chế, xử lý các trường hợp cố tình không thi hành án như việc yêu cầu người phải thi hành án phải kê khai thông tin về điều kiện thi hành án, quy định đăng tải công khai thông tin điều kiện thi hành án của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành; quy định rõ hơn về kê biên tài sản thi hành án... Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.

Cùng với việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp cũng đã chú trọng hơn đối với việc sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến công tác thi hành án dân sự trong các bộ luật, luật quan trọng khác như Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật hình sự (sửa đổi), Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi), Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), Luật Tố tụng hành chính, Luật đấu giá tài sản... nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của các quy định, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đang hoàn chỉnh dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu, nộp ngân sách nhà nước, Thông tư liên tịch thay thế Thông tư số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự; Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BTP-BQP hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi

⁴ Quyết định số 332/QĐ-BTP ngày 14/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

⁵ Đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ số 184/BC-BTP ngày 6/7/2015.

⁶ Thông tư số 08/2015/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP và Thông tư số 09/2015/TT-BTP thay thế Thông tư số 17/2010/TT-BTP.

hành án dân sự và Đề án “Cơ sở dữ liệu điện tử về thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành” để ban hành trong thời gian tới.

VII. Kiến nghị về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Quảng Ninh: Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 quy định thẩm quyền xử phạt hành chính cho các lực lượng chức năng, tuy nhiên lại quy định việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt theo thẩm quyền tại các Điều từ 38 đến Điều 49. Quy định này gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị chức năng trực tiếp kiểm tra, bắt giữ và xử lý vi phạm. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Quốc hội xem xét, sửa đổi theo hướng không giới hạn thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp thấy rằng, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được quy định giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền (từ Điều 38 đến Điều 51 Luật XLVPHC) làm phát sinh nhiều vụ việc vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của cơ quan cấp dưới bị dồn lên cơ quan cấp trên giải quyết, không bảo đảm tính kịp thời, nhanh chóng trong việc xử phạt. Vì vậy, nhiều Bộ, ngành, địa phương kiến nghị bỏ quy định về thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của cử tri để báo cáo Chính phủ xem xét trong quá trình đề xuất sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định nội dung ghi trong biên bản vi phạm hành chính còn bất cập, thực tế chưa đảm bảo tính khả thi gây lúng túng cho người có thẩm quyền lập biên bản và gây khó khăn cho người vi phạm khi phải xử lý, đề nghị xem xét, sửa đổi cho phù hợp. Cụ thể: tại Khoản 2 Điều 58 quy định về lập biên bản vi phạm hành chính: “Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến”.

Với những nội dung như trên, thì còn hai nội dung quan trọng của biên bản còn thiếu gây khó khăn cho công tác xử lý, đó là:

+ Chưa có nội dung về thời gian kể từ lúc lập biên bản vi phạm hành chính, để hẹn người vi phạm đến gặp người có thẩm quyền xử lý vụ việc vi phạm;

+ Chưa có nội dung về địa điểm của cơ quan xử lý (nơi có thẩm quyền xử lý) để người vi phạm đến nhận quyết định.

Từ quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 dẫn đến các văn bản dưới luật khi ban hành mẫu biên bản vi phạm hành chính không có hai nội dung như đã nêu trên, đó là:

+ Mẫu biên bản số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

+ Mẫu TNĐ 14 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BGTVT ngày 15/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua theo dõi việc triển khai thi hành Luật xử lý VPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, Bộ Tư pháp thấy rằng, những kiến nghị nêu trên của cử tri là rất xác đáng. Bộ Tư pháp xin ghi nhận các kiến nghị này và sẽ tổng hợp đề báo cáo Chính phủ, kiến nghị sửa đổi Luật, các nghị định và thông tư có liên quan.

3. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Tiền Giang, Tây Ninh và Kiên Giang:

a) Cử tri tỉnh Tiền Giang: Đề nghị Chính phủ sớm có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Luật XLVPHC và các văn bản có liên quan khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy, nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong tổ chức thực hiện, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới, nhất là đối với việc xử lý con nghiện đang được quản lý, cai nghiện tại cộng đồng và địa bàn dân cư.

b) Cử tri tỉnh Tây Ninh: Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC về “áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy” theo hướng “áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với

người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” chứ không nên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy như luật hiện hành. Đồng thời, kiến nghị các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến công tác cai nghiện ma túy nhằm đơn giản thủ tục, rút ngắn thời gian lập hồ sơ đưa đi cai nghiện.

c) Cử tri tỉnh Kiên Giang: Khoản 1 Điều 29 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định người nghiện ma túy từ đủ 12 đến 18 tuổi đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đã cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và không được coi đó là biện pháp xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Luật XLVPHC không đề cập đến đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi, do đó người nghiện dưới 18 tuổi vẫn do Chủ tịch UBND cấp huyện, xã ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng này. Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung cho thống nhất.

Bộ Tư pháp có ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri như sau:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2298/TTg-KGVX ngày 14/11/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 77/2014/QH13 của Quốc hội và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Công văn số 10435/VPCP-KGVX ngày 26/12/2014 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác cai nghiện ma túy nhằm rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đặc biệt là đối với người nghiện không có nơi cư trú ổn định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Ngày 31/8/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 3172/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL về việc thực hiện Công văn số 2298/TTg-KGVX ngày 14/11/2014 trong đó có đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác cai nghiện, đồng thời xây dựng Kế hoạch thực hiện.

Bên cạnh đó, các Bộ: Y tế, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 23/8/2015 sẽ góp phần tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc lớn nhất trong quá trình triển khai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (vấn đề xác định tình trạng nghiện).

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để đề xuất các giải pháp tháo gỡ. Đối với những vấn đề cụ thể mà cử tri quan tâm, Bộ Tư pháp xin thông tin thêm với cử tri như sau:

- Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy theo hướng “áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”, không nên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy như Luật hiện hành, Bộ Tư pháp thấy rằng, nếu quy định đối tượng chỉ sử dụng trái phép chất ma túy đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì việc quy định biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc sẽ không còn ý nghĩa, vì phải xác định đối tượng bị nghiện ma túy thì mới có cơ sở đưa họ vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang về vấn đề người nghiện ma túy là người chưa thành niên từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho người chưa thành niên theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy: Sau khi Luật XLVPHC được ban hành, trong đó có các quy định khác với quy định của Luật Phòng, chống ma túy, đặc biệt là nội dung quy định về thẩm quyền và quy trình, thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, quy định về việc quản lý sau cai nghiện ma túy (ví dụ như: thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật XLVPHC thuộc về TAND cấp huyện chứ không thuộc Chủ tịch UBND cấp huyện như quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Luật XLVPHC không quy định biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy như Luật Phòng, chống ma túy...) nên các địa phương hiện nay đang có sự áp dụng không thống nhất, có địa phương vẫn áp dụng, có địa phương tạm dừng không áp dụng quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Để tháo gỡ vướng mắc này, tại Công văn số 3172/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL về việc thực hiện Công văn số 2298/TTg-KGVX và Công văn số 10435/VPCP-KGVX nêu trên, Bộ Tư pháp đã có báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để xem xét, đề nghị Quốc hội có ý kiến chính thức về hiệu lực cũng như việc tiếp tục áp dụng hay không tiếp tục áp dụng các quy định liên quan đến việc cai nghiện ma túy trong Luật Phòng, chống ma túy và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật này, do các văn bản này chưa bị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau khi Luật XLVPHC được ban hành và có hiệu lực.

4. Cử tri tỉnh Yên Bái kiến nghị: Đề nghị Chính phủ nghiên cứu xem xét, có chế tài xử phạt đủ mạnh để xử lý các vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân gia đình ở vùng cao như: tảo hôn, sinh con thứ 3, hôn nhân cận huyết thống.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

- Đối các hành vi vi phạm liên quan đến tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại các vùng cao: Hiện nay, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân gia đình như: tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống được quy định tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Cụ thể là: (i) Xử phạt từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn (Điều 47 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP); (ii) Xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi ba đời (điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP). Mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi nói trên tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP đều đã được điều chỉnh tăng gấp nhiều lần so với mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm tương ứng được quy định tại Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình (Điều 6 và điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2001/NĐ-CP). Đặc biệt, so với điều kiện kinh tế - xã hội, mức thu nhập của người dân vùng cao thì mức xử phạt này cũng là tương đối cao. Hơn nữa, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc nâng chế tài xử phạt vi phạm hành chính không phải là biện pháp giải quyết tối ưu và duy nhất đối các hành vi vi phạm liên quan đến tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại các vùng cao. Thực trạng này xuất phát từ sự thiếu hiểu biết của người dân về pháp luật, về y tế cũng như những hủ tục, quan niệm lạc hậu của những người dân nơi đây. Vì vậy, để có thể giảm bớt tình trạng này, Bộ Tư pháp và các địa phương đang đẩy mạnh và đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức của người dân tại những vùng cao để họ hiểu rõ đây là những hành vi vi phạm pháp luật cũng như hiểu rõ những tác hại về sức khỏe, sự suy giảm giống nòi (cả về số lượng lẫn chất lượng) của việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Về tình trạng sinh con thứ ba tại các vùng cao: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC, việc quy định hành vi vi phạm hành chính phải bảo đảm một trong những yêu cầu, đó là “Có vi phạm các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước”. Theo quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số năm 2003, một trong những “quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh

sản” là “sinh một hoặc hai con, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định”. Do Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 không quy định cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân liên quan đến hành vi sinh con thứ ba nên Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (trong đó có vi phạm hành chính về dân số) cũng không đề cập đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sinh con thứ ba.

5. Cử tri tỉnh Kiên Giang kiến nghị: Đề nghị Chính phủ có quy định cụ thể đối với quy định tại khoản 6, Điều 90 của Luật XLVPHC và khoản 3, Điều 13, Nghị định 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 quy định về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên (không có nơi cư trú ổn định), vì hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên Công an các địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc áp dụng biện pháp đưa các đối tượng vào các cơ sở để giáo dục.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Qua theo dõi công tác thi hành pháp luật về XLVPHC, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc triển khai quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (khoản 3 Điều 13 và Điều 32) về việc tiếp nhận, quản lý, giáo dục và trợ giúp đối tượng (người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định và không xác định được nơi cư trú) bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em hiện còn một số khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp nhận, quản lý đối tượng người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định và không xác định được nơi cư trú bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; vấn đề tổ chức, kinh phí cho các cơ sở này...).

Để giải quyết những vấn đề nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, giáo dục và trợ giúp người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em. Bộ Tư pháp đã tham gia ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự thảo Thông tư này.

6. Cử tri tỉnh Phú Thọ phản ánh: Theo Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định đối tượng nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định thì áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong quá trình triển khai thực hiện đã gặp khó khăn trong việc quản lý, giáo dục đối với các đối tượng nghiện ma túy sống ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng. Thêm vào đó, một số đối tượng khi chuyển về địa phương lại không chú tâm cai nghiện mà có hành vi lôi kéo, dụ dỗ các thanh niên khác phạm tội gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn. Nhằm quản lý các đối tượng cai nghiện bắt

buộc, đồng thời không ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương, đề nghị ngành chức năng xem xét lại quy định này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật XLVPHC, một trong những đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là “người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định”; quy định trên của Luật đã được quy định chi tiết tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. Qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian qua, Bộ Tư pháp nhận thấy quy định trên có khó khăn cho một số địa phương trong quá trình triển khai thực hiện như cử tri đã phản ánh. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của cử tri và đang tiếp tục theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó có nội dung như cử tri kiến nghị, đề báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc xem xét, kiến nghị với Quốc hội sửa đổi quy định trong Luật này.

7. Cử tri tỉnh Đắk Lắk kiến nghị: Luật XLVPHC đã có hiệu lực, tuy nhiên, quy định chế độ thống kê về xử lý vi phạm hành chính vẫn chưa được hướng dẫn, chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh cũng như của Sở Tư pháp (trách nhiệm của Sở Tư pháp mới chỉ được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 23/2014/TT-BTP-BNV ở mức độ ghi nhận “Sở Tư pháp thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý ở địa phương”. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng dẫn cụ thể đối với vấn đề này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc thu thập các thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu xây dựng Thông tư quy định về thống kê trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính để tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện. Dự kiến Thông tư sẽ được ban hành trong năm 2016.

VIII. Kiến nghị về công tác bồi thường Nhà nước

1. Kiến nghị của cử tri các tỉnh Kiên Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Ninh Thuận:

a) Cử tri tỉnh Kiên Giang kiến nghị:

- Cần rà soát, nghiên cứu và bổ sung đối tượng, phạm vi bồi thường; hoàn thiện quy định cụ thể trong hợp tác quốc tế đối với hoạt động trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ngoài ba lĩnh vực: Quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án, cần mở rộng hơn, nhất là những trường hợp trong thực tiễn xảy ra nhiều hoặc

trường hợp cơ quan nhà nước ký hợp đồng gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân hoặc ban hành văn bản pháp luật sai trái gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân.

- Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường cần phải có đủ hai điều kiện là văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ và chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra. Đề nghị cần sửa đổi, bổ sung theo hướng có thể dùng các văn bản hoặc tài liệu, chứng cứ khác để so sánh, củng cố nhằm chứng minh việc sai trái của người thi hành công vụ trong cơ quan có thẩm quyền gây thiệt hại mà không nhất thiết phải chờ văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đề nghị bổ sung Điều 27 về các trường hợp không được bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, cụ thể quy định thêm trường hợp có căn cứ xác định là vô tội nhưng tại cùng một thời điểm người đó bị Tòa án có thẩm quyền tuyên là có tội đối với tội danh khác.

- Đề nghị bổ sung Điều 52 về khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự theo hướng quy định cụ thể hơn thủ tục khôi phục danh dự, uy tín, đặc biệt là vấn đề khôi phục lại chức vụ cho người bị thiệt hại cần được xác định rõ. Điều 51 của Luật chỉ quy định về việc khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự nhưng chưa quy định vấn đề khôi phục lại chức vụ và các quyền lợi hợp pháp khác của người bị thiệt hại. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu bổ sung nội dung này để đảm bảo khắc phục những thiệt hại mà người bị oan, sai phải gánh chịu.

- Đề nghị sửa đổi Điều 64 là “Cá nhân, tổ chức giám định” và bỏ khoản 1 của Điều luật này, vì khái niệm “Cá nhân, tổ chức giám định” đã được nêu rất rõ trong Luật Giám định tư pháp.

b) Cử tri tỉnh Thái Nguyên kiến nghị: Đề nghị nghiên cứu, xem xét sửa Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước theo hướng giao cho một cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác bồi thường để tập trung vào một đầu mối, không để phân tán như hiện nay là có quá nhiều cơ quan phải chịu trách nhiệm và không nên để các cơ quan nhà nước có cán bộ, công chức làm trái pháp luật đứng ra chịu trách nhiệm giải quyết việc bồi thường vì như vậy sẽ không khách quan, dễ lạm dụng, gây chậm trễ thời gian, gượng ép thương lượng trong quá trình giải quyết vụ việc.

c) Cử tri tỉnh Phú Thọ kiến nghị: Đề nghị có những quy định về chế tài cụ thể đối với hành vi cố tình kéo dài hoặc trách né việc thực hiện trách nhiệm bồi thường Nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại.

d) Cử tri tỉnh Ninh Thuận kiến nghị: Hiện nay, các quy định về bồi thường cho người bị oan còn nhiều bất cập. Đề nghị xem xét, nghiên cứu quy

định lại về thủ tục, trình tự giải quyết bồi thường thiệt hại sao cho rõ ràng, thuận tiện nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và giảm thiểu những tổn thất của người bị oan.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Bồi thường nhà nước là một trong những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm và phát huy hơn nữa quyền công dân, quyền con người phù hợp với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Với tinh thần đó, thể chế hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đây là lần đầu tiên trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được quy định một cách toàn diện, đầy đủ nhất ở tầm Luật, với những mục tiêu rất quan trọng, đó là bảo đảm tốt hơn quyền được bồi thường của người dân, nâng cao ý thức trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời bảo đảm sự ổn định trong hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Qua 5 năm triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác này cũng đã xuất hiện nhiều hạn chế, bất cập mà một trong những nguyên nhân chính xuất phát từ một số quy định không còn phù hợp của Luật như cử tri đã phản ánh.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 với nhiều quy định đề cao quyền con người, quyền công dân, các bộ luật, luật như Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự ... vốn được xem là luật gốc hoặc có liên quan mật thiết đến công tác bồi thường nhà nước cũng đang được sửa đổi. Để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của các luật khác trong hệ thống pháp luật hiện hành, Bộ Tư pháp đã đề xuất và được Quốc hội chấp thuận đưa dự án Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan tổng hợp, nghiên cứu kỹ các kiến nghị của cử tri để đề xuất với Chính phủ, Quốc hội trong quá trình tổng kết, xây dựng dự án Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước (sửa đổi).

2. Cử tri thành phố Đà Nẵng phản ánh: Theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước thì “Người thi hành công vụ có lỗi gây ra thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua hầu hết các trường hợp cá nhân, tổ chức bị thiệt hại đã được chi trả bồi thường từ nguồn tiền của ngân sách của nhà nước; nhưng nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước thì chưa được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định về trách nhiệm hoàn trả. Trong khi đó, số tiền từ ngân sách nhà nước bỏ ra để bồi thường hàng năm là rất lớn. Vấn đề này đã gây bức xúc

trong nhân dân và đi ngược lại với mục đích của Luật là phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả và xử lý trách nhiệm của người thi hành công vụ.

Cử tri đề nghị cho biết từ khi thực hiện Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước đến nay đã có bao nhiêu vụ việc phải bồi thường? Số tiền phải bồi thường? Bao nhiêu vụ việc đã được bồi hoàn và số tiền đã bồi hoàn? Số tiền còn lại phải bồi hoàn và hướng xử lý thời gian tới như thế nào để nhân dân, cử tri cả nước biết theo dõi, giám sát.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Từ thời điểm Luật TNBTCNN có hiệu lực (01/01/2010) đến nay, việc giải quyết bồi thường và thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ được thực hiện như sau:

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2012, đã giải quyết được 122/165 vụ việc bồi thường (đạt tỷ lệ 74%), với tổng số tiền chi trả là 15.945.673.056 đồng; có 4 vụ việc đã thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức⁷.

Từ ngày 01/10/2012 đến 30/9/2013, đã giải quyết xong 37/82 vụ việc bồi thường (đạt tỷ lệ 45%), với số tiền Nhà nước phải bồi thường là 15.687.581.000 đồng; có 08 vụ việc đã thực hiện xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức (trong lĩnh vực quản lý hành chính và thi hành án), với tổng số tiền là 233.756.000 đồng⁸.

Từ ngày 01/10/2013 đến 30/9/2014, đã giải quyết xong 53/94 vụ việc bồi thường, đạt tỉ lệ 56,3%, với số tiền là 4.622.534.000 đồng; có 08 vụ việc đã thực hiện xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức, với tổng số tiền là 507.134.000 đồng⁹.

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, đã giải quyết xong 30/69 vụ việc bồi thường (đạt tỉ lệ 43,4%); có 02 vụ việc đã thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với cán bộ, công chức, với tổng số tiền là 75.663.200 đồng¹⁰.

Như vậy, trong hơn 5 năm thi hành Luật, số lượng các vụ việc mà người thi hành phải hoàn trả là còn rất hạn chế, số tiền hoàn trả thu hồi về cho ngân sách nhà nước là chưa nhiều. Nguyên nhân của tình trạng trên là: *Thứ nhất*, về mặt thể chế, hiện nay, quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành về trách nhiệm hoàn trả còn chưa có sự thống nhất giữa các lĩnh vực tổ tụng hình sự với các lĩnh vực còn lại, theo đó, người thi hành công vụ trong lĩnh vực tổ tụng hình sự chỉ phải hoàn trả nếu có lỗi cố ý, trong khi đó, ở các lĩnh vực

⁷ Báo cáo số 300/BC-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về công tác bồi thường của Nhà nước năm 2012.

⁸ Báo cáo số 413/BC-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ về công tác bồi thường nhà nước năm 2013.

⁹ Báo cáo số 431/BC-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về công tác bồi thường của Nhà nước năm 2014.

¹⁰ Báo cáo số 54/BC-BTNN ngày 15/06/2015 của Cục Bồi thường nhà nước về kết quả công tác bồi thường nhà nước 6 tháng đầu năm 2015 nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2015.

khác thì người thi hành công vụ phải hoàn trả nếu có lỗi vô ý hoặc cố ý; *Thứ hai*, theo quy định của Luật TNBTCNN, việc hoàn trả có thể được thực hiện một lần hoặc nhiều lần, trong đó, đa số các vụ việc là thực hiện bằng việc trừ dần vào lương hàng tháng. Chính vì vậy, đến nay trong các vụ việc hoàn trả, có những vụ việc mà trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ vẫn đang được thực hiện nhưng chưa thực hiện xong; *Thứ ba*, việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả của một số cơ quan nhà nước có trách nhiệm bồi thường còn chưa nghiêm.

Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tập trung thực hiện một số giải pháp sau: *Thứ nhất*, về mặt thể chế, hiện nay, Luật TNBTCNN đã được đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016 (hình thức là Luật sửa đổi), Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát các quy định còn hạn chế của Luật TNBTCNN về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ để kiến nghị trong quá trình sửa đổi; *Thứ hai*, đối với các vụ việc hoàn trả đang được thực hiện theo phương thức trừ dần vào lương hàng tháng, các cơ quan nhà nước sẽ tiếp tục thực hiện việc khấu trừ để bảo đảm thu hồi đủ số tiền hoàn trả mà người thi hành công vụ phải thực hiện do có hành vi gây thiệt hại làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; *Thứ ba*, thực hiện sát sao việc theo dõi thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ, bảo đảm cho việc xem xét trách nhiệm hoàn trả được thực hiện nghiêm trên thực tế.

3. Cử tri tỉnh Trà Vinh kiến nghị: Tăng cường xử lý nghiêm trách nhiệm bồi thường và truy cứu trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân sai phạm gây thất thoát, lãng phí... của Nhà nước và Nhân dân.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan có liên quan đã có nhiều cố gắng trong việc hoàn thiện thể chế nhằm tăng cường hiệu quả đối với việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước, nhân dân và xem xét trách nhiệm bồi thường của người có hành vi phạm, cụ thể:

- *Luật Xử lý vi phạm hành chính* và các văn bản hướng dẫn thi hành¹¹ đã quy định khá cụ thể việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đặc biệt, Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 của Chính phủ đã quy định tăng mức xử phạt đối với một số hành vi và bổ sung thêm một số hành vi, như: vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, sử dụng điện, nước, xăng, dầu, sách báo, văn phòng phẩm; tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước bằng kinh phí ngân sách nhà nước;

¹¹ Nghị định số 192/2013/NĐ-CP quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước; Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 192/2013/NĐ-CP

mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp; vi phạm quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên.

- *Bộ luật hình sự* quy định các tội xâm phạm sở hữu tại Chương XIV, trong đó có một số điều luật quy định nhằm xử lý đối với các hành vi phạm tội liên quan đến việc gây thất thoát, lãng phí, như tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143), tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144), tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145). Bên cạnh đó, Bộ luật hình sự quy định một mục riêng (Mục A) về các tội phạm tham nhũng tại Chương XXI - Các tội phạm về chức vụ, trong đó đã quy định nhiều điều luật nhằm xử lý đối với hành vi gây thất thoát, lãng phí do người có chức vụ quyền hạn thực hiện, đó là các tội tham ô tài sản.

- *Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009* đã quy định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ và để đảm bảo quy định của Luật áp dụng trên thực tế, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC hướng dẫn thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện các quy định có liên quan đến việc xử lý hành vi vi phạm gây thất thoát, lãng phí và bồi thường của người có hành vi phạm trong các văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành cần chủ động, tích cực trong công tác phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các hành vi tiêu cực, gây thất thoát lãng phí, trong đó cần tập trung vào một số các giải pháp như: (1) Tăng cường tuyên truyền pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng, chống lãng phí; (2) Tăng cường công tác quản lý cán bộ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ có kỹ năng nghề nghiệp, có kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch, kiên quyết chống tiêu cực, lãng phí; (3) Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước để tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, tố giác vi phạm pháp luật và các hành vi tiêu cực của cán bộ. (4) Xét xử nghiêm minh những vụ việc gây lãng phí, thất thoát tài sản của nhà nước, nhân dân.

IX. Kiến nghị về công tác tổ chức cán bộ

1. Cử tri thành phố Đà Nẵng kiến nghị: Để công tác tư pháp ngày càng nâng cao và đáp ứng các đòi hỏi, yêu cầu của xã hội thì nhất thiết phải xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp mang tính chuyên nghiệp, có tính kế

thừa và ổn định; hạn chế thấp nhất tình trạng luân chuyển, chuyển chuyên cán bộ từ các ngành khác sang cũng như giữa các địa bàn. Mặt khác, cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và nhất là có chế độ chính sách để khuyến khích cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực này.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, với nhận thức công tác tổ chức cán bộ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, là yếu tố quyết định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm kiện toàn và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ tư pháp, đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, đội ngũ cán bộ Tư pháp đã có bước trưởng thành, đa số đáp ứng được yêu cầu công việc. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế, đội ngũ cán bộ tư pháp còn bất cập, nhất là ở địa phương thì việc tiếp tục đẩy mạnh kiện toàn tổ chức bộ máy là yêu cầu cấp thiết.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm với nhiệm vụ được giao, trong thời gian tới, bên cạnh việc thực hiện một số giải pháp như cử tri đã kiến nghị, Bộ Tư pháp sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây: (1) Tập trung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trong toàn Ngành, trong năm 2015 phải hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị của Bộ, Ngành Tư pháp để tạo cơ sở cho việc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền quyết định việc kiện toàn tổ chức cán bộ các cơ quan tư pháp, pháp chế; (2) Tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao kỷ luật, kỷ cương công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, sáng tạo ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ của các vị trí lãnh đạo quản lý và các chức danh chuyên môn, nghề nghiệp. Thực hiện đổi mới công tác đánh giá công chức, viên chức trong đó lưu ý đến trách nhiệm, đạo đức công vụ và đề cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đảng, tập thể và người đứng đầu trong việc đánh giá công chức, viên chức. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp. (3) Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành Tư pháp; chú trọng triển khai quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức trẻ có trình độ chuyên môn sâu theo Quy hoạch đã được phê duyệt; tập trung cao cho việc thực hiện các Đề án Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Trường Đại học Luật Hà Nội và Học viện Tư pháp; đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo cơ bản gắn với đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu cuộc sống và quy định mới của Luật Hộ tịch.

Đối với công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đây là một trong những nội dung của công tác cán bộ và cần thiết giúp cho cán bộ phát huy được năng lực, sức sáng tạo, tránh xa rời thực tiễn cũng như phòng ngừa các tiêu cực, vi phạm có thể xảy ra. Tuy nhiên, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cũng cần bảo đảm được tính kế thừa, ổn định trong công tác cán bộ, bảo đảm cán bộ được luân chuyển, chuyển đổi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian qua, công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ của Bộ, Ngành Tư pháp đã thực hiện có hiệu quả. Trong thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục thực hiện việc luân chuyển cán bộ; quan tâm đến việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ và giữa Bộ với các cơ quan tư pháp địa phương bảo đảm đúng quy định của pháp luật, gắn với mục tiêu, yêu cầu xây dựng đội ngũ công chức, viên chức của Ngành Tư pháp trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Cử tri thành phố Cần Thơ kiến nghị: Đề nghị xem xét, sửa đổi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, để phù hợp với thực tiễn.

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 04/7/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Nghị định số 55/2011/NĐ-CP). Sau hơn 04 năm triển khai thi hành Nghị định, công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: công tác pháp chế từng bước đi vào nề nếp; tổ chức pháp chế được thành lập, củng cố và kiện toàn một bước; chất lượng nguồn nhân lực làm công tác pháp chế đã được nâng lên, góp phần quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN và bảo vệ lợi ích của Bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác pháp chế còn có một số khó khăn, vướng mắc và hạn chế nhất định. Kết quả kiểm tra, khảo sát cũng như tổng hợp phản ánh, kiến nghị của nhiều Bộ, ngành, địa phương cho thấy, việc triển khai công tác pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP có một số hạn chế, bất cập chủ yếu sau đây:

- Về tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế: theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, thì người làm công tác pháp chế phải có trình độ cử nhân luật trở lên; người đứng đầu tổ chức pháp chế phải có trình độ cử nhân luật và có ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác pháp luật. Tuy nhiên, quy định này là khó thực hiện và không phù hợp với thực tế ở nước ta hiện nay, nhất là ở các địa phương.

- Về nhiệm vụ của tổ chức pháp chế: từ khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực đến nay, nhiều luật, pháp lệnh, nghị định mới

được ban hành, trong đó có giao thêm một số nhiệm vụ cho các tổ chức pháp chế, chẳng hạn như: Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh... Trong khi đó, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa kịp thời cập nhật đầy đủ, điều này gây khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của tổ chức pháp chế ở Bộ, ngành, địa phương.

- Về tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh: theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP thì quy định “cứng” là thành lập 14 Phòng Pháp chế ở các Sở. Tuy nhiên, việc thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, còn hình thức, chưa đi vào thực chất. Nhiều địa phương chưa quyết liệt trong việc triển khai thực hiện, một số địa phương chưa thành lập được Phòng Pháp chế nào tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, có nơi mặc dù Phòng Pháp chế đã được thành lập nhưng chỉ bố trí được 01 người làm công tác pháp chế. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, song nguyên nhân trực tiếp và quan trọng nhất là khó khăn về biên chế... Liên quan đến vấn đề này, thời gian qua, Bộ Tư pháp nhận được phản ánh, kiến nghị của một số Bộ, ngành, địa phương về những vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng văn bản pháp luật đối với việc thành lập Phòng Pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (giữa Nghị định số 55/2011/NĐ-CP với các Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh). Điều này đã gây khó khăn cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện.

Trước tình nêu trên, Bộ Tư pháp đã báo cáo Chính phủ và hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương chuẩn bị việc sơ kết tình hình thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, đồng thời, đã lấy ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cho phù hợp với thực tiễn.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp trả lời 63 kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XIII (62 kiến nghị do Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội chuyển; 01 kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, xin kính gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Dân nguyện - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, trả lời cử tri. *KTR*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgCP Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để theo dõi, thực hiện);
- Các Sở Tư pháp, Cục THADS (nơi có kiến nghị);
- Công TTĐT (đăng trang Hướng dẫn nghiệp vụ);
- Lưu: VT, VP(TH).

